



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 01 + 02

Ngày 01 tháng 01 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | |
|--|----|
| 11-12-2014 - Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND về quy định một số mức chi cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố. | 4 |
| 11-12-2014 - Nghị quyết số 22/2014/NQ-HĐND về điều chỉnh tăng mức thu phí tại Trạm thu phí BOT An Sương - An Lạc. | 7 |
| 11-12-2014 - Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND về chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng của Thành phố Hồ Chí Minh. | 10 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 04-12-2014 - Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức danh và chế độ, chính sách đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện. 15
- 04-12-2014 - Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp. 22
- 08-12-2014 - Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ban hành Quy trình phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 25
- 11-12-2014 - Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ban hành Bảng giá các loại lâm sản và động vật rừng thông thường còn sống sau khi xử lý tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 31

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 01-12-2014 - Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8. 49

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 21-11-2014 - Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ. 63

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 20-11-2014 - Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND về ban hành quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài. 72

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 10-12-2014 - Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về quyết toán ngân sách thành phố năm 2013. 82
- 10-12-2014 - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2015. 85
- 12-12-2014 - Nghị quyết số 28/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2015. 90

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 20-11-2014 - Chỉ thị số 28/CT-UBND về tổ chức đón mừng năm mới và Tết Ất Mùi năm 2015. 100
- 28-11-2014 - Quyết định số 5825/QĐ-UBND ban hành Quy chế giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020. 109

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2014/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2014***NGHỊ QUYẾT****Về quy định một số mức chi cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật
và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét Tờ trình số 5765/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 750/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nêu tại Tờ trình số 5765/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

1. Đối tượng áp dụng: Đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này hướng dẫn một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các nội dung và mức chi cụ thể: Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với các nội dung chi và mức chi tại Tờ trình số 5765/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Cho phép Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ đối với 12 nội dung chi theo đề xuất tại Tờ trình số 5765/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Nghị

quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2014/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh tăng mức thu phí tại Trạm thu phí BOT An Sương - An Lạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 3636/BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Hợp đồng BOT (điều chỉnh) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2003 được ký kết giữa Bộ Giao thông vận tải và Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng IDICO;

Căn cứ Công văn số 4055/VPCP-KTN ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao Hợp đồng BOT đoạn An Sương - An Lạc, Quốc lộ 1A từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 4716/BGTVT-KHĐT ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải và Biên bản số 01/BBBG-TCĐBVN ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam về việc Bộ Giao thông vận tải chuyển giao Hợp đồng BOT đoạn An Sương - An Lạc, Quốc lộ 1A cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5558/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh tăng mức thu phí tại Trạm thu phí An Sương - An Lạc; Báo cáo thẩm tra số 755/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương điều chỉnh tăng mức thu phí tại Trạm thu phí BOT An Sương - An Lạc (giai đoạn 2015 - 2019) như nội dung Tờ trình số 5558/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/lượt xe

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức thu điều chỉnh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015	
		Vé lượt (đồng)	Vé tháng (đồng)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 02 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng.	15.000	450.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	20.000	600.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	40.000	1.200.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng container 20 feet.	50.000	1.500.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng container 40 feet.	80.000	2.400.000

- Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Đối với các giai đoạn tăng mức thu phí vào đầu các năm 2020, 2025, 2030, khi đến lộ trình tăng mức thu phí cụ thể tại các thời điểm nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm đó.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2014/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức
công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng
của Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Khám chữa bệnh ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015;

Xét Tờ trình số 6364/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 745/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về công tác quản lý nhà nước về y tế dự phòng:

Hệ thống mạng lưới y tế dự phòng cùng với mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu của thành phố luôn chủ động và tích cực triển khai tốt công tác phòng chống dịch, triển khai có hiệu quả công tác truyền thông, giám sát dịch tễ, nhiều dịch bệnh nguy hiểm đã được khống chế và đẩy lùi, nhiều năm qua không để dịch lớn bùng phát xảy ra.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực của ngành y tế dự phòng và tuyến y tế cơ sở trong nhiều năm qua gặp rất nhiều khó khăn, số lượng cán bộ chỉ mới đạt 12,28% trên tổng số cán bộ y tế của ngành. Nhiều năm liền, các đơn vị hoạt động về y tế dự phòng không tuyển được bác sĩ về công tác (do không được cấp chứng chỉ hành nghề, thu nhập thấp, không có điều kiện phát triển chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao tay nghề) một số cán bộ, bác sĩ được đào tạo nâng cao chuyên môn thì chuyển qua y tế tư nhân (mức lương cao hơn) các trạm y tế (phường, xã, thị trấn) vẫn còn tình trạng thiếu bác sĩ phải sử dụng bác sĩ nghỉ hưu và cử bác sĩ tuyến quận, huyện về trực luân phiên tại trạm.

Điều 2: Thông qua nội dung Tờ trình số 6364/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức công tác tại các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng của Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Chính sách thu hút:

a) Đối tượng hưởng chính sách thu hút: Bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ nội trú, tiến sĩ y khoa, thạc sĩ y khoa, bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ, cử nhân y tế công cộng, sinh viên tốt nghiệp đại học y khoa hệ chính quy cam kết tình nguyện về công tác tại lĩnh vực y tế dự phòng thuộc 05 huyện (Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ, Nhà Bè, Hóc Môn), Trung tâm Pháp y, Trung tâm Giám định Pháp y Tâm Thần với **thời gian tối thiểu từ 05 năm trở lên**, ngoài chính sách được hưởng theo quy định của pháp luật còn được hưởng các chế độ hỗ trợ như sau:

b) Nội dung chính sách:**b) 1. Trợ cấp hàng tháng:**

- Đối với bác sĩ chuyên khoa cấp II, tiến sĩ - thạc sĩ y khoa, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề về công tác tại huyện Cần Giờ được trợ cấp **3 lần** mức lương cơ sở/tháng; trường hợp về công tác tại 04 huyện: Bình

Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè và Trung tâm Pháp y, Trung tâm Giám định Pháp y Tâm Thần được trợ cấp **2,5 lần** mức lương cơ sở/tháng.

- Đối với cử nhân y tế công cộng; sinh viên tốt nghiệp đại học y khoa hệ chính quy về công tác tại huyện Cần Giờ được trợ cấp **2 lần** mức lương cơ sở/tháng; trường hợp về công tác tại 04 huyện (Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè) và Trung tâm Pháp y, Trung tâm Giám định Pháp y Tâm Thần được trợ cấp **1,5 lần** mức lương cơ sở/tháng.

Thời gian hưởng trợ cấp là 5 năm, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

b) 2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng được thu hút về công tác tại 05 huyện:

Các đối tượng được hưởng chính sách thu hút về công tác tại lĩnh vực y tế dự phòng trên địa bàn 05 huyện được hưởng chính sách về đào tạo, bồi dưỡng tương tự như cán bộ, viên chức công tác tại huyện Cần Giờ theo Quyết định số 80/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chính sách hỗ trợ:

a) Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ: Cán bộ, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế dự phòng thành phố và quận, huyện, Trạm Y tế; cán bộ, viên chức làm công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục công lập từ bậc Tiểu học trở lên.

b) Nội dung chính sách hỗ trợ:

+ Điều chỉnh tăng 80% mức hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế dự phòng thành phố theo Quyết định số 189/2003/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Điều chỉnh tăng 50% mức hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối tượng cán bộ, viên chức, nhân viên y tế	Mức hiện hưởng (đồng/người/tháng)	Mức đề nghị điều chỉnh(đồng/người/tháng)
Tại Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	220.000	400.000
Tại Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện	330.000	500.000

+ Điều chỉnh tăng 50% mức hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, nhân viên y tế công tác tại các Trạm Y tế phường trên địa bàn quận theo Quyết định số 187/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Điều chỉnh tăng 20% mức hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, nhân viên y tế công tác tại các Trạm Y tế xã, thị trấn trên địa bàn huyện theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trình độ	Mức hiện hưởng (đồng/người/tháng)			Mức đề nghị điều chỉnh (đồng/người/tháng)		
	Phường	Xã	Cần Giờ	Phường	Xã	Cần Giờ
Đại học	600.000	1.120.000	1.400.000	900.000	1.344.000	1.680.000
Trung cấp	300.000	560.000	700.000	450.000	672.000	840.000
Sơ cấp	200.000	420.000	525.000	300.000	504.000	630.000

Vận dụng cho cán bộ, viên chức làm công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục công lập từ bậc Tiểu học trở lên được hưởng mức hỗ trợ tương tự như cán bộ, viên chức, nhân viên làm công tác y tế dự phòng tại các Trạm y tế phường (theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Trình độ	Mức đề nghị được hưởng (đồng/người/tháng)
Đại học	900.000
Trung cấp	450.000

3. Kinh phí thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí trong dự toán chi hàng năm cho Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận, huyện để thực hiện chính sách thu hút, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, nhân viên đang công tác tại các cơ sở y tế, giáo dục công lập.

4. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện các chế độ, chính sách nêu trên được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức danh và chế độ, chính sách
đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên
tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Thường vụ Thành đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại Tờ trình Liên Sở số 650/TTr-NV-GDĐT-TĐ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1023/TTr-SNV ngày 10 tháng 11 năm 2014; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5065/STP-VB ngày 17 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức danh và chế độ, chính sách đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 299/QĐ-UB-NC ngày 26 tháng 01 năm 1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định về chức danh Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong trường phổ thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Đề nghị Ban Thường vụ Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố, Chủ tịch Hội đồng Đội Thành phố phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chức danh và chế độ, chính sách đối với Tổng phụ trách Đội
Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học,
Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục
và Đào tạo các quận, huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Tổng phụ trách Đội là chức danh áp dụng cho giáo viên được tuyển chọn để cử làm Tổng phụ trách đội trong trường Tiểu học, Trung học cơ sở (bao gồm trường trung học có cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở) và là người phụ trách tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong trường Tiểu học, Trung học cơ sở.

2. Trợ lý thanh niên là chức danh áp dụng cho công chức công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện trên địa bàn Thành phố.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TIÊU CHUẨN, QUYỀN HẠN, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CỦA TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI

Điều 2. Tổng phụ trách Đội có các chức năng

1. Tham mưu cho Hiệu trưởng và phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường (nếu có) tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh, đội viên.

2. Vận động, phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để xây dựng tổ chức Đội trong nhà trường ngày càng vững mạnh.

3. Giúp đỡ và hướng dẫn cho tổ chức Đội hoạt động tự quản, giáo dục bồi dưỡng tập thể đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh rèn luyện trở thành “con ngoan - trò giỏi - bạn tốt - cháu ngoan Bác Hồ”.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng phụ trách Đội

1. Tham mưu cho Hiệu trưởng để quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

2. Thiết kế, tổ chức chương trình hoạt động cho đội viên, học sinh trong nhà trường theo kế hoạch của Ngành Giáo dục và Đào tạo và theo chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội các cấp.

3. Xây dựng và tổ chức hệ thống Chi đội trong nhà trường vững mạnh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách Chi đội, Ban Chỉ huy Đội theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

4. Tự học tập, rèn luyện và tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, công tác Đội và phong trào thiếu nhi do Ngành Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Đội các cấp tổ chức để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tổng phụ trách Đội là thành viên chính thức của Hội đồng trường, tham gia hội nghị liên tịch và các hội đồng xét duyệt có liên quan đến học sinh, đội viên trong nhà trường.

6. Phối hợp trực tiếp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giải quyết nguyện vọng và quyền lợi của học sinh, đội viên.

7. Lập kế hoạch về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động Đội theo kế hoạch hàng năm của nhà trường; đề xuất, tham mưu với Hiệu trưởng phân công điều động các lực lượng trong nhà trường hỗ trợ công tác Đội.

Điều 4. Tiêu chuẩn Tổng phụ trách Đội

Giáo viên đủ các tiêu chuẩn sau đây được tuyển chọn để cử làm Tổng phụ trách Đội trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở:

1. Là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các trường có độ tuổi không quá 35 (đối với bổ nhiệm lần đầu).

2. Có văn bằng tốt nghiệp tiêu chuẩn hóa sư phạm theo bậc học và tương đương (được bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ giảng dạy tại các trường Sư phạm).

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có nhiệt tình và năng khiếu về tổ chức hoạt động xã hội, hiểu biết về Đoàn, Đội, có đủ sức khỏe, biết vận động học sinh, các lực lượng xã hội và mọi người tham gia hỗ trợ công tác Đội, có uy tín đối với đơn vị và tập thể học sinh, đội viên.

4. Đã được đào tạo chức danh Tổng phụ trách tại các trường Đoàn - Đội.

Điều 5. Chế độ, chính sách của Tổng phụ trách Đội

1. Chế độ của Tổng phụ trách Đội được thực hiện như quy định chung đối với giáo viên Ngành Giáo dục và Đào tạo. Định mức tiết dạy được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông. Vào mỗi năm học, Hiệu trưởng các trường trang cấp hai bộ đồng phục cho Tổng phụ trách Đội theo mẫu thống nhất của Hội đồng Đội Thành phố.

2. Tổng phụ trách Đội được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Điều b, c, d Khoản 2 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và được hỗ trợ thêm một phần kinh phí trích từ nguồn thu sự nghiệp của nhà trường để bằng với phụ cấp trách nhiệm của Phó Hiệu trưởng.

3. Việc đánh giá bình xét thi đua Tổng phụ trách Đội dựa theo tiêu chuẩn cán bộ quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công của trường.

4. Tổng phụ trách Đội được đào tạo, bồi dưỡng tiêu chuẩn hóa theo chức danh. Hàng năm, được hưởng chế độ tham quan, nghỉ mát như cán bộ quản lý nhà trường.

5. Tổng phụ trách Đội được nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo ưu tiên chọn, cử đi học cán bộ quản lý, lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quy hoạch cán bộ quản lý.

Điều 6. Về công tác tổ chức

1. Mỗi trường tiểu học, trung học cơ sở có một Tổng phụ trách Đội (theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập). Tổng phụ trách Đội được tuyển dụng theo Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về

ban hành quy định tuyển dụng viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

2. Đối với trường Tiểu học, Trung học cơ sở: Tổng phụ trách Đội được Hiệu trưởng cùng với tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường thống nhất đề nghị lên Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý công chức, viên chức xét duyệt. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cử giáo viên Tổng phụ trách sau khi thống nhất ý kiến với Hội đồng Đội quận, huyện. Thời gian đảm nhận chức danh Tổng phụ trách Đội ít nhất là 5 năm.

3. Hội đồng Đội, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo về chuyên môn công tác Đội và giúp đỡ Tổng phụ trách Đội hoàn thành tốt công việc của mình.

4. Tổng phụ trách Đội được Hiệu trưởng quản lý, đánh giá dựa trên chương trình, kế hoạch và hiệu quả công tác hàng năm, có kết hợp với đánh giá của Hội đồng Đội, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện.

Chương III

TRỢ LÝ THANH NIÊN TẠI PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÁC QUẬN, HUYỆN

Điều 7. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện có 01 biên chế bố trí chức danh Trợ lý thanh niên.

Điều 8. Nhiệm vụ của Trợ lý thanh niên

1. Tham mưu cho Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về công tác giáo dục đạo đức lối sống, lý tưởng, các hoạt động ngoại khóa của học sinh; về công tác phối hợp chỉ đạo hoạt động Đoàn, Đội trong các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trực thuộc.

2. Là đầu mối phối hợp, chỉ đạo cũng như tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, bảo đảm an ninh, an toàn cho học sinh trên địa bàn.

Điều 9. Trợ lý thanh niên Phòng Giáo dục và Đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách như công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo chặt chẽ Hội đồng trường, xác định trách nhiệm của mọi thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng phụ trách Đội thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Đội đạt kết quả tốt, nhằm phát huy vai trò của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường.

Điều 11. Hội đồng Đội Thành phố là cơ quan hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn đối với đội ngũ Tổng phụ trách Đội; thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, có kế hoạch và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho Tổng phụ trách Đội. Đồng thời, hướng dẫn việc rèn luyện theo chương trình cho đội viên và phụ trách Đội.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các quận, huyện bố trí định biên chức danh Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện tốt công tác Đoàn Đội và phong trào học sinh trường học trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại địa phương.

Điều 13. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện được hoạt động một cách có hiệu quả.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách
Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường, xã, thị trấn,
phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp,
tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động
ở khu phố, ấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1063/TTr-SNV ngày 26 tháng 11 năm 2014 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6348/STP-VB ngày 14 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp như sau:

1. Hỗ trợ hàng tháng đối với cấp phó thứ hai của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã, thị trấn (không được hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách và không kiêm nhiệm các chức danh khác): bằng hệ số 0,5 mức lương cơ sở.

2. Bồi dưỡng trách nhiệm hàng tháng đối với 05 chức danh cán bộ không chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở phường, xã, thị trấn (Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam) và Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội Người cao tuổi: bằng hệ số 0,1 mức lương cơ sở.

3. Điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân như sau:

- Khoản quỹ phụ cấp hàng tháng đối với khu phố, ấp: từ 3.500.000 đồng/tháng lên hệ số 5,0 mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% mức đóng bảo hiểm y tế).

- Khoản quỹ phụ cấp hàng tháng đối với tổ dân phố, tổ nhân dân: từ 350.000 đồng/tháng lên hệ số 0,5 mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% mức đóng bảo hiểm y tế).

4. Mức chi hỗ trợ thêm 500.000 đồng/tháng đối với ấp và 150.000 đồng/tháng đối với tổ nhân dân tại các xã xây dựng nông thôn mới được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về trợ cấp cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách và phụ cấp đối với ấp, tổ nhân dân thuộc các xã xây dựng nông thôn mới.

5. Khoản hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng tháng ở khu phố, ấp là 1.500.000 đồng/tháng.

Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Thành phố sẽ bố trí dự toán hàng năm cho đơn vị. Phần kinh phí tăng thêm trong quý IV năm 2014 được cân đối chi từ nguồn dự phòng ngân sách Thành phố năm 2014.

Điều 2. Thời gian thực hiện: Áp dụng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 157/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức phụ cấp đối với khu phố, ấp, Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về nâng mức phụ cấp đối với khu phố - ấp, tổ dân phố - tổ nhân dân.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận
đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử
công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 5671/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 30/TTr-STTTT ngày 30 tháng 10 năm 2014; và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại công văn số 5736/STP-VN ngày 19 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

**Phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử
công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy trình phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

1. Quy trình phối hợp trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện) là quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông qua một cơ quan đầu mối là Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc thẩm định, trả kết quả hồ sơ cho tổ chức cá nhân thông qua Bộ phận tiếp nhận - hoàn trả kết quả thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định việc phối hợp giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo quy định cần có Giấy chứng nhận đủ điều kiện (theo Khoản 1,

Điều 35, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng).

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đảm bảo việc cấp Giấy chứng nhận thuận tiện và đúng pháp luật.

2. Các quy định về quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện được niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - hoàn trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Các nội dung phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan, đảm bảo tính đồng bộ chặt chẽ để giải quyết công việc kịp thời, chính xác, đúng pháp luật.

4. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện; chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thành phần hồ sơ, thủ tục

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nộp trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính gửi một bộ hồ sơ đến Sở Thông tin và Truyền thông bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 02a/ĐĐN hoặc Mẫu số 02b/ĐĐN ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

c) Bản sao chứng minh nhân dân của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; Bản sao chứng minh nhân dân của người quản lý trực tiếp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp.

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Quy trình và thời gian thực hiện

Thời gian giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định là mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy trình này.

1. Thẩm định hồ sơ

Trong một ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng được yêu cầu, Sở Thông tin và Truyền thông chuyển hồ sơ và văn bản hướng dẫn cần thiết đến Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện kiểm tra thực tế.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân được biết.

2. Kiểm tra thực tế

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Sở Thông tin và Truyền thông chuyển hồ sơ, Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra thực tế tại địa điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng về các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, gửi kết quả kiểm tra thực tế cho Sở Thông tin và Truyền thông và nêu rõ ý kiến đối với việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (nêu rõ lý do đồng ý hoặc không đồng ý).

Sau thời hạn này, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện không có ý kiến xem như hồ sơ đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT và Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

3. Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận

Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Văn hóa và Thông tin báo cáo kết quả kiểm tra thực tế, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của các loại giấy tờ, tài liệu của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, hướng dẫn bổ sung đối với những hồ sơ chưa đủ hoặc chưa đúng quy định.
3. Chủ trì, hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra thực tế trực tiếp tại địa điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện để quản lý tốt dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo cho Phòng Văn hóa và Thông tin tiếp nhận và xử lý hồ sơ do Sở Thông tin và Truyền thông chuyển đến theo đúng thời gian quy định của Quy trình này.

Điều 8. Trong quá trình áp dụng Quy trình này, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trên cơ sở kiến nghị của Sở Thông tin và Truyền thông./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá các loại lâm sản và động vật rừng
thông thường còn sống sau khi xử lý tịch thu
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2476/TTr-SNN ngày 18 tháng 11 năm 2014; và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5964/STP-VB ngày 27 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá các loại lâm sản và động vật rừng thông thường còn sống sau khi xử lý tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bảng giá này được áp dụng để:

a) Làm cơ sở xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính, làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Làm cơ sở xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tang vật bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Làm cơ sở xác định giá bán động vật rừng thông thường còn sống sau khi xử lý tịch thu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; và thay thế Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 và Quyết định số 10/2011/UBND ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi Cục trưởng Chi Cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI LÂM SẢN VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Phụ lục I: BẢNG GIÁ GỖ TRÒN

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

STT	Tên gỗ (Tên khoa học)	Đơn giá trên m ³ phân theo quy cách								
		Đường kính dưới 30 cm			Đường kính từ 30 đến 50 cm			Đường kính trên 50 cm		
		Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m
I	Nhóm I									
1	Cắm lai (<i>Dalbergia oliverii</i> Gamble)									
	Cắm lai Đồng Nai (<i>Dalbergia dongnaiensis</i>)	20.000	22.000	24.000	26.000	28.000	30.000	31.000	35.000	40.000
	Cắm lai Bà Rịa (<i>Dalbergia bariensis</i> Pierre)									
2	Giáng Hương (<i>Pterocarpus pedatus</i> Pierre)									
	Giáng Hương căm- bột (<i>Pterocarpus cambodianus</i> Pierre)									
	Giáng Hương quả lớn (<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz)	16.000	18.000	20.000	22.000	24.000	26.000	27.000	28.000	30.000
	Giáng Hương mắt chim (<i>Pterocarpus indicus</i> Willd)									
3	Gỗ đỏ (<i>Azelia xylocarpa</i>)	12.000	14.000	16.000	18.000	20.000	22.000	23.000	25.000	27.000

4	Gụ mật (<i>Sindora cochinchinensis</i> Baill)	4.200	5.200	5.600	6.000	6.300	6.500	6.600	7.100	7.300
5	Muồng đen (<i>Cassia siamea</i> Lamk)	4.100	4.300	4.500	4.700	4.800	5.000	5.300	5.600	5.900
6	Mun sọc (<i>Cassia siamea lamk</i>)	16.500	19.000	21.000	23.000	25.000	27.000	28.000	29.000	30.500
7	Phơ mu (<i>Fokienia hodginsii</i> A.Henry et thomas)	9.500	10.500	11.000	11.500	12.000	12.500	13.000	14.000	14.500
8	Sơn huyết (<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain)	4.500	5.000	5.300	5.500	5.800	6.100	6.400	6.800	7.000
9	Trai (Nam Bộ)(<i>Fagraea fragrans</i> Roxb)	12.000	14.000	16.000	18.000	20.000	22.000	24.000	26.000	28.000
10	Trắc Nam bộ (<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre)	22.000	24.000	26.000	28.000	30.000	32.000	34.000	37.000	42.000
	Trắc đen (<i>Dalbergia nigra</i> Allen)									
	Trắc cam bột (<i>Dalbergia Cambodiana</i> Pierre)									
	Trắc vàng (<i>Dalbergia fusca</i> Pierre)									
11	Các loại gỗ nhóm I khác	3.500	4.000	4.500	5.000	6.000	7.000	8.000	10.000	12.000
II	Nhóm II									
1	Cắm xe (<i>Xilya dolabriformis</i> Benth)	4.500	5.000	5.500	6.000	6.500	7.000	8.000	9.000	10.000
2	Kiền kiền (<i>Hopea pierrei</i> Hance)	4.000	4.500	5.000	5.500	6.000	6.500	7.000	7.500	8.000
3	Nghiến (<i>Excentrodendron tonkinensis</i> (<i>Burretiodendron tonkinensis</i>))	3.500	4.000	4.500	5.000	5.500	6.000	6.500	7.000	7.500
4	Tấu mật (<i>Vatica tonkinensis</i> A.chev)	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000	5.500	6.000	6.500	7.000
5	Trai lý (Rươi) (<i>Garcinia fagraeoides</i>)	3.600	4.000	4.200	4.500	4.900	5.300	5.700	6.000	6.500
6	Sao xanh (<i>Homalium caryophyllaceum</i> Benth)	3.500	3.900	4.100	4.400	4.600	4.800	5.000	5.300	5.500
7	Sến mật (<i>Madhuca pasquieri</i> J. Lam)	3.400	3.700	4.000	4.300	4.500	4.700	4.900	5.100	5.300
8	Lim (<i>Erythrophloeum Fordi</i> Oliver).	5.000	5.500	6.000	6.500	7.000	8.000	9.000	10.000	11.000

9	Các loại gỗ nhóm II khác.	3.500	3.700	4.000	4.200	4.400	4.600	4.900	5.000	5.200
III	Nhóm III									
1	Bằng lăng nước (<i>Lagerstroemia flos reginae</i> Retz)	3.500	3.800	4.000	4.200	4.400	4.700	5.000	5.300	5.700
	Bằng lăng tía (<i>Lagerstroemia loudony Teijm</i>)									
2	Cà chắc (cà chít) (<i>Shorea Obtusa</i> Wall)	3.400	3.700	3.900	4.100	4.300	4.600	4.900	5.200	5.500
3	Chai (<i>Shorea vulgaris</i> Pierre)	3.300	3.600	3.800	4.000	4.200	4.500	4.800	5.100	5.300
4	Chiêu liêu (<i>Terminalia chebula</i> Retz)	3.200	3.500	3.700	3.900	4.100	4.300	4.500	4.800	5.100
5	Chò chỉ (<i>Parashorea stellata</i> Kury)	3.100	3.400	3.600	3.800	4.000	4.200	4.400	4.600	4.800
6	Giổi (<i>Talauma giổi</i> A.Chev)	3.700	3.900	4.100	4.300	4.500	4.800	5.100	5.500	6.000
7	Huỳnh (<i>Heritiera cochinchinensis</i> Kost)	3.000	3.300	3.500	3.700	3.900	4.100	4.300	4.500	4.700
8	Tếch (<i>Tectona grandis</i> Linn)	2.900	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000	4.200	4.400	4.600
9	Vên Vên (<i>Shorea hypochra</i> Hance)	2.800	3.100	3.300	3.500	3.700	3.900	4.100	4.300	4.500
10	Chua khét (<i>Chukrasia</i> Sp).	3.500	3.800	4.000	4.200	4.400	4.700	5.000	5.300	5.600
11	Các loại gỗ nhóm III khác.	2.600	2.900	3.100	3.300	3.500	3.700	3.900	4.100	4.300
IV	Nhóm IV									
1	Bời lời (<i>Litsea sebifera</i> Pers).	2.600	2.800	2.900	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	3.900
2	Bời lời vàng (<i>Litsea Vang</i> H.Lec)	2.700	2.900	3.000	3.200	3.300	3.500	3.700	4.000	4.200
3	Dầu lông (<i>Dipterocarpus kerrii</i> King)	2.600	2.700	2.900	3.000	3.100	3.300	3.400	3.600	3.700
4	Dầu song nàng (<i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre)	2.450	2.600	2.700	2.900	3.000	3.200	3.300	3.500	3.700
5	Re xanh (<i>Cinamomum tonkinensis</i> Pitard)	2.600	2.800	2.900	3.000	3.200	3.300	3.500	3.600	3.800
6	Sến bo bo (<i>Shorea hypochra</i> Hance)	2.700	2.800	3.000	3.100	3.200	3.400	3.500	3.700	3.800

7	Thông ba lá (<i>Pinus khasya</i> Royle)	2.300	2.500	2.600	2.700	2.900	3.000	3.200	3.300	3.400
8	Thông nang (<i>Podocarpus imbricatus</i> Bl)	2.250	2.400	2.600	2.650	2.800	2.900	3.100	3.200	3.400
9	Các loại gỗ nhóm IV khác.	2.200	2.300	2.500	2.600	2.700	2.800	3.000	3.100	3.300
V	Nhóm V									
1	Bời lời giấy (<i>Litsea polyantha</i> Juss)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.700	2.900	3.100	3.300
2	Chò lông (<i>Dipterocarpus pilosus</i> Roxb)	2.000	2.100	2.300	2.400	2.600	2.700	3.000	3.100	3.400
3	Chò xót (<i>Schima crenata</i> Korth)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.600	2.900	3.000	3.200
4	Cồng trắng (<i>Callophyllum dryobalanoides</i> Pierre)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.550	2.700	2.900	3.100	3.300
5	Dải ngựa (<i>Swietenia mahogani</i> Jaco)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.600	2.900	3.000	3.300
6	Dầu đỏ (<i>Dipterocarpus duperreanus</i> Pierre)	2.000	2.100	2.300	2.400	2.600	2.700	3.000	3.100	3.400
7	Giẻ gai (<i>Castanopsis tonkinensis</i> Seen)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.450	2.600	2.900	3.000	3.300
8	Muồng (<i>Cassia</i> sp)	1.900	2.000	2.200	2.300	2.400	2.600	2.900	3.000	3.300
9	Săng đá (<i>Xanthophyllum colubrinum</i> Gagnep)	2.000	2.100	2.300	2.400	2.600	2.700	3.000	3.100	3.400
10	Các loại gỗ nhóm V khác.	1.800	1.900	2.100	2.200	2.300	2.500	2.800	2.900	3.100
VI	Nhóm VI									
1	Xoan đào (<i>Pygeum arboreum</i> Endl. Et Kurz)	1.800	2.000	2.100	2.300	2.500	2.800	3.000	3.300	3.600
2	Trám hồng (<i>Canarium</i> sp)	1.700	1.900	2.100	2.200	2.300	2.500	2.600	2.800	2.900
3	Các loại gỗ nhóm VI khác.	1.500	1.600	1.800	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.600
VII	Nhóm VII	1.500	1.600	1.800	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.600
VIII	Nhóm VIII	1.500	1.600	1.800	1.900	2.000	2.200	2.300	2.500	2.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI LÂM SẢN VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Phụ lục II: BẢNG GIÁ GỖ XẺ

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

STT	Tên gỗ (Tên khoa học)	Đơn giá trên m ³ phân theo quy cách								
		Đường kính dưới 30 cm			Đường kính từ 30 đến 50 cm			Đường kính trên 50 cm		
		Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m
I	Nhóm I									
1	Cắm lai (<i>Dalbergia oliverii</i> Gamble)	28.000	31.000	34.000	36.000	38.000	40.000	42.000	45.000	48.000
	Cắm lai Đồng Nai (<i>Dalbergia dongnaiensis</i>)									
	Cắm lai Bà Rịa (<i>Dalbergia bariensis</i> Pierre)									
2	Giáng Hương (<i>Pterocarpus pedatus</i> Pierre)	25.000	27.000	29.000	31.000	33.000	35.000	37.000	40.000	43.000
	Giáng Hương căm- bột (<i>Pterocarpus cambodianus</i> Pierre)									
	Giáng Hương quả lớn (<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz)									
	Giáng Hương mắt chim (<i>Pterocarpus indicus</i> Willd)									
3	Gỗ đỏ (<i>Azelia xylocarpa</i>)	17.000	19.500	22.500	25.500	28.000	30.000	32.000	35.000	38.000
4	Gụ mật (<i>Sindora cochinchinensis</i> Baill)	6.500	7.500	8.000	8.500	9.000	9.500	10.000	10.500	11.000

5	Muồng đen (<i>Cassia siamea Lamk</i>)	5.500	5.900	6.300	6.700	7.000	7.400	7.800	8.200	8.500
6	Mun sọc (<i>Cassia siamea lamk</i>)	26.000	28.000	30.000	32.000	34.000	36.000	38.000	40.500	43.500
7	Pơ mu (<i>Fokienia hodginsii A.Henry et thomas</i>)	14.000	15.000	16.000	17.000	18.000	19.000	20.000	21.000	22.000
8	Sơn huyết (<i>Dalbergia tonkinensis Prain</i>)	6.000	6.500	7.000	7.500	8.000	8.500	9.000	9.500	10.000
9	Trái (Nam Bộ) (<i>Fagraea fragrans Roxb</i>)	17.500	20.000	23.000	26.000	29.000	31.000	33.000	35.000	38.000
10	Trắc Nam bộ (<i>Dalbergia cochinchinensis Pierre</i>)	29.000	31.000	34.000	37.000	40.000	42.500	45.000	49.000	54.000
	Trắc đen (<i>Dalbergia nigra Allen</i>)									
	Trắc cam bột (<i>Dalbergia Cambodiana Pierre</i>)									
	Trắc vàng (<i>Dalbergia fusca Pierre</i>)									
11	Các loại gỗ nhóm I khác	5.300	5.800	6.500	7.500	8.500	10.000	11.500	14.000	16.000
II	Nhóm II									
1	Cắm xe (<i>Xilya dolabriformis Benth</i>)	7.000	8.000	8.500	9.000	9.500	10.500	11.500	12.500	14.000
2	Kiền kiên (<i>Hopea pierrei Hance</i>)	5.500	6.500	7.000	7.500	8.500	9.300	9.800	10.500	11.500
3	Nghiên (<i>Excentrodendron tonkinensis (Burretiodendron tonkinensis)</i>)	4.900	5.500	6.200	6.900	7.700	8.300	9.000	9.700	10.500
4	Tấu mật (<i>Vatica tonkinensis A.chev</i>)	4.200	5.000	5.600	6.200	7.000	7.700	8.400	9.100	10.000
5	Trái lý (Rươi) (<i>Garcinia fagraeoides</i>)	5.000	5.500	5.900	6.300	6.800	7.500	8.000	8.500	9.000
6	Sao xanh (<i>Homalium caryophyllaceum Benth</i>)	4.600	5.100	5.500	5.900	6.400	6.700	7.000	7.300	7.700
7	Sến mật (<i>Madhuca pasquieri J. Lam</i>)	4.400	4.800	5.100	5.600	6.200	6.500	6.800	7.100	7.400
8	Lim (<i>Erythrophloeum Fordi Oliver</i>)	7.000	7.800	8.500	9.200	10.000	11.000	12.500	14.000	15.500
9	Các loại gỗ nhóm II khác	4.300	4.700	5.000	5.500	6.000	6.400	6.700	7.000	7.300
III	Nhóm III									
1	Bằng lăng nước (<i>Lagerstroemia flos reginae Retz</i>)	4.900	5.300	5.600	5.900	6.200	6.600	7.000	7.500	8.000
	Bằng lăng tía (<i>Lagerstroemia loudony</i>)									

	<i>Teijm)</i>									
2	Cà chắt (cà chít) (<i>Shorea Obtusa Wall</i>)	4.700	5.000	5.300	5.600	6.000	6.400	6.800	7.200	7.700
3	Chai (<i>Shorea vulgaris Pierre</i>)	4.600	4.900	5.200	5.500	5.900	6.300	6.700	7.100	7.400
4	Chiêu liêu (<i>Terminalia chebula Retz</i>)	4.500	4.800	5.100	5.400	5.750	6.000	6.300	6.700	7.100
5	Chò chỉ (<i>Parashorea stellata Kury</i>)	4.300	4.600	5.000	5.300	5.600	5.900	6.200	6.500	6.800
6	Giôi (<i>Talauma giôi A.Chev</i>)	5.200	5.500	5.800	6.000	6.300	6.800	7.300	7.800	8.400
7	Huỳnh (<i>Heritiera cochinchinensis Kost</i>)	4.200	4.500	4.800	5.100	5.450	5.700	6.000	6.300	6.600
8	Tếch (<i>Tectona grandis Linn</i>)	4.000	4.300	4.600	4.900	5.300	5.600	5.900	6.200	6.500
9	Vên Vên (<i>Shorea hypochra Hance</i>)	3.900	4.200	4.500	4.800	5.200	5.500	5.700	6.000	6.300
10	Chua khét (<i>Chukrasia Sp.</i>)	3.600	3.900	4.200	4.500	4.900	5.200	5.500	5.700	6.100
11	Các loại gỗ nhóm III khác	3.500	3.800	4.100	4.400	4.800	5.100	5.400	5.600	6.000
IV	Nhóm IV									
1	Bời lời (<i>Litsea sebifera Pers.</i>)	3.600	3.800	4.000	4.200	4.500	4.700	4.900	5.200	5.500
2	Bời lời vàng (<i>Litsea Vang H.Lec</i>)	3.800	4.000	4.200	4.400	4.600	4.900	5.200	5.500	5.900
3	Dầu lông (<i>Dipterocarpus kerrii King</i>)	3.500	3.700	3.900	4.100	4.300	4.500	4.700	4.900	5.200
4	Dầu song nạng (<i>Dipterocarpus dyeri Pierre</i>)	3.400	3.600	3.800	4.000	4.200	4.400	4.600	4.800	5.100
5	Re xanh (<i>Cinamomum tonkinensis Pitard</i>)	3.600	3.800	4.000	4.200	4.500	4.700	4.900	5.100	5.300
6	Sến bo bo (<i>Shorea hypochra Hance</i>)	3.500	3.700	3.900	4.100	4.400	4.600	4.800	5.000	5.200
7	Thông ba lá (<i>Pinus khasya Royle</i>)	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000	4.200	4.300	4.500	4.700
8	Thông nạng (<i>Podocarpus imbricatus Bl</i>)	3.100	3.300	3.500	3.700	3.900	4.100	4.200	4.400	4.600
9	Các loại gỗ nhóm IV khác	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000	4.100	4.300	4.500
V	Nhóm V									
1	Bời lời giấy (<i>Litsea polyantha Juss</i>)	2.700	2.900	3.100	3.300	3.500	3.700	3.900	4.300	4.600
2	Chò lông (<i>Dipterocarpus pilosus Roxb</i>)	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000	4.400	4.700
3	Chò xót (<i>Schima crenata Korth</i>)	2.700	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	4.100	4.500
4	Cồng trắng (<i>Callophyllum dryobalanooides Pierre</i>)	2.700	2.900	3.100	3.300	3.600	3.900	4.100	4.300	4.600

5	Dải ngựa (<i>Swietenia mahogani Jaco</i>)	2.600	2.800	3.000	3.200	3.500	3.800	4.100	4.400	4.600
6	Dầu đồ (<i>Dipterocarpus duperreanus Pierre</i>)	2.800	2.900	3.200	3.300	3.600	3.900	4.200	4.500	4.800
7	Giẻ gai (<i>Castanopsis tonkinensis Seen</i>)	2.700	2.800	2.900	3.200	3.400	3.700	3.800	4.200	4.600
8	Muồng (<i>Cassia sp</i>)	2.500	2.700	2.900	3.100	3.300	3.600	3.900	4.200	4.500
9	Săng đá (<i>Xanthophyllum colubrinum Gagnep</i>)	2.800	3.100	3.300	3.400	3.600	3.800	4.200	4.500	4.800
10	Các loại gỗ nhóm V khác	2.400	2.600	2.900	3.000	3.200	3.500	3.700	4.000	4.400
VI	Nhóm VI									
1	Xoan đào (<i>Pygeum arboreum Endl. Et Kurz</i>)	2.500	2.700	3.000	3.200	3.500	3.800	4.000	4.500	5.000
2	Trám hồng (<i>Canarium sp</i>)	2.400	2.600	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600	3.800	4.000
3	Các loại gỗ nhóm VI khác	2.000	2.200	2.400	2.600	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600
VII	Nhóm VII	2.000	2.200	2.400	2.600	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600
VIII	Nhóm VIII	2.000	2.200	2.400	2.600	2.800	3.000	3.200	3.400	3.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI LÂM SẢN VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Phụ lục III: BẢNG GIÁ LÂM SẢN KHÁC

STT	Loại lâm sản	Đơn vị tính	Mức giá (1.000 đ)	Ghi chú
I	Trầm Hương:			
1	Loại 1 đến 3	Kg	5.000	
2	Loại 4 đến 5	Kg	3.000	
3	Loại 6 đến 8	Kg	2.000	
II	2. Tinh dầu:			
1	Trầm	Lít	60.000	
2	Xá Xị	Lít	20.000	
III	Lâm sản khác:			
1	Chai cục	Kg	10	
2	Dầu chai	Kg	15	
3	Nhựa Thông	Kg	20	
4	Dầu Rái	Kg	15	
5	Than hầm	Kg	5	
6	Bột nhang	Kg	5	
7	Gốc cây kiềng đường kính dưới 25 cm	Gốc	1.000	
8	Tre	Cây	12	
9	Nứa, Le	Cây	6	
10	Lồ ô	Cây	10	
11	Song mây (Song nước, Song bột)	Sợi	10	
12	Củ đước (Đường kính từ 6cm trở lên, dài dưới 3m)	Ster	600	
	Củ đước (Đường kính dưới 6 cm, dài dưới 3m)	Ster	450	
13	Cây đước đường kính lớn hơn 15cm, dài từ 3m trở lên)	Cây	50	
	Cây đước (Đường kính dưới 15cm, dài từ 3m trở lên)	Cây	25	

14	Cây rừng ngập mặn	Ster	200	
15	Cây chà là	Cây	20	
	Đọt non của cây chà là	Đọt	5	
16	Thiên tuế	Cây	500	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI LÂM SẢN VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Phụ lục IV: BẢNG GIÁ ĐỘNG VẬT RỪNG

STT	Tên loài	Đơn vị tính	Mức giá (1.000 đồng)	Ghi Chú
I	BỘ CÁNH DA			
1	Chồn bay	Con	600	
II	BỘ KHỈ HẦU			
2	Cu ly các loại	Con	200	
3	Khi đuôi dài	Con	600	
4	Khi Sư Tử	Con	600	
5	Khi đuôi Lợn	Con	400	
6	Khi Vàng	Con	300	
7	Khi mặt đỏ	Con	600	
8	Khi Mộc	Con	600	
9	Voọc các loại	Con	4.500	
10	Vượn các loại	Con	3.600	
11	Tinh tinh	Con	5.500	
III	BỘ THÚ ĂN THỊT			
12	Báo gấm	Con	10.000	
13	Báo Hoa Mai	Con	7.000	
14	Beo lửa	Con	5.000	
15	Cáo lửa	Con	500	
16	Cầy giông	Kg	300	
17	Cầy mũi đỏ	Kg	300	
18	Cầy vàng	Kg	300	
19	Chồn Gấu	Con	3.500	
20	Chó rừng	Con	700	
21	Chồn vàng	Kg	350	
22	Chồn mướp	Kg	300	

23	Cây vòi mốc	Kg	300	
24	Cây vòi hương	Kg	400	
25	Chồn hương	Kg	450	
26	Cây vòi đốm	Kg	250	
27	Hồ	Con	20.000	
28	Gấu Ngựa	Con	20.000	
29	Gấu Chó	Con	10.000	
30	Mèo rừng	Con	2.000	
31	Triết các loại	Con	200	
32	Sói đỏ	Con	400	
33	Rái cá các loại	Con	500	
IV	BỘ MÓNG GUỐC			
34	Bò rừng	Con	10.000	
35	Bò Xám	Con	15.000	
36	Bò Tót	Con	30.000	
37	Cheo Cheo	Kg	200	
38	Hươu vàng	Con	10.000	
39	Hươu xạ	Con	5.500	
40	Heo rừng	Kg	100	
41	Mang	Kg	120	
42	Mễn	Kg	120	
43	Nai	Kg	100	
44	Nai cà tong	Kg	120	
45	Sao La	Con	5.000	
46	Sơn Dương	Con	5.000	
47	Trâu rừng	Con	10.000	
V	BỘ CÁ SẴU			
48	Cá sấu các loại	Kg	150	
VI	BỘ THỎ RỪNG			
49	Thỏ Vằn	Kg	350	
VII	BỘ HẠC			
50	Cò các loại	Con	20	
51	Diệc các loại	Con	30	

52	Hạc cổ trắng	Con	300	
53	Già đẩy các loại	Con	250	
54	Quắm cánh xanh	Con	60	
55	Quắm lớn	Con	200	
VIII	BỘ GÀ			
56	Công	Con	1.500	
57	Công Việt	Con	250	
58	Gà tiền mặt đỏ	Con	250	
59	Gà tiền mặt vàng	Con	180	
60	Gà lôi các loại	Con	250	
61	Gà rừng	Con	100	
62	Ô Tác	Con	70	
63	Trĩ các loại	Con	280	
64	Trích (gà nước)	Con	100	
IX	BỘ SẢ			
65	Bìm bịp	Con	100	
66	Cao cát	Con	150	
67	Chim Cắt	Con	40	
68	Chim đa đa	Con	40	
69	Phuơn	Con	50	
70	Diều đầu trắng	Con	150	
71	Diều hâu	Con	180	
72	Diều hoa	Con	180	
73	Đại bàng	Con	900	
74	Hồng Hoàng	Con	800	
75	Le Le	Con	100	
76	Ổ Biễn	Con	180	
77	Niệc các loại	Con	400	
78	Vịt trời	Con	50	
79	Quạ	Con	60	
X	BỘ CỎ VÂY			
80	Các Ké	Con	10	
81	Kỳ đà các loại	Kg	200	

82	Giông	Kg	100	
83	Rắn Hồ Chứa	Kg	1.000	
84	Rắn Ráo trâu (Hồ Trâu, Hồ Hèo)	Kg	400	
85	Rắn Hồ Ngựa (Sọc Dưa)	Kg	300	
86	Rắn lục	Kg	100	
87	Rắn Hồ Hành	Kg	200	
88	Rắn Hồ Mây	Kg	200	
89	Rắn Lãi (ráo thường)	Kg	180	
90	Rắn trun	Kg	150	
91	Rắn Hồ Mèo	Kg	220	
92	Rắn Choàm quạp	Kg	120	
93	Rắn nước, ri voi, ri cá	Kg	80	
94	Rắn cạp nia	Kg	250	
95	Rắn cạp nong (Mai gầm)	Kg	250	
96	Rắn Hồ Mang (Rắn hồ đất)	Kg	400	
97	Tắc Kè	Con	25	
98	Trăn các loại	Kg	200	
99	Thằn lằn núi	Kg	50	
100	Tê tê các loại	Kg	1.200	
101	Kỳ Tôm (rồng đất)	Kg	200	
102	Kỳ sùng	Con	9	
103	Kỳ nhông	Kg	50	
XI	BỘ CÓ ĐUÔI			
104	Cá cóc Tam đảo	Kg	100	
XII	BỘ RỪA			
105	Cua đinh	Kg	350	
106	Ba ba	Kg	250	
107	Rùa Bagờ	Kg	300	
108	Rùa Cổ bự	Kg	140	
109	Rùa Răng (càng Đước)	Kg	250	
110	Rùa đầu to	Kg	300	
111	Rùa đất các loại	Kg	300	

112	Rùa hộp các loại	Kg	300	
113	Rùa núi viền	Kg	250	
114	Rùa núi vàng	Kg	340	
115	Rùa trung bộ	Kg	500	
116	Rùa Xanh (Rùa tai đỏ)	Kg	50	
XIII	BỘ SẾ			
117	Chích chòe các loại	Con	100	
118	Chèo bẻo	Con	50	
119	Họa Mi	Con	120	
120	Chia vôi	Con	150	
121	Khướu các loại	Con	100	
122	Sáo các loại	Con	50	
123	Chim sẻ	Con	5	
124	Chim lá mía	Con	5	
125	Chim cu đất	Con	30	
126	Yểng (Nhông)	Con	100	
127	Vành khuyên	Con	60	
128	Chào mào	Con	100	
129	Chim bồ chao	Con	100	
130	Thanh trúc	Con	100	
XIV	BỘ VỆT			
131	Vẹt các loại	Con	30	
XV	BỘ BÒ NÔNG			
132	Bò nông các loại	Con	150	
133	Vịt trời	Con	50	
XVI	BỘ CÚ			
134	Cú lợn các loại	Con	150	
135	Cú Mèo	Con	150	
136	Dù di	Con	100	
XVII	BỘ DƠI			
137	Dơi ngựa	Con	50	
138	Dơi quạ	Con	50	
XVIII	BỘ YẾN			

139	Yến Hàng	Con	60	
140	Yến Phụng	Con	20	
XIX	BỘ GẠM NHĂM			
141	Don	Kg	250	
142	Dúi	Kg	200	
143	Nhím	Kg	180	
144	Sóc bay các loại	Con	120	
145	Hải ly	Con	1.000	
146	Sóc	Con	120	
XX	BỘ CÁNH VẦY			
147	Bướm các loại	Con	5	
148	Đuông chà là	Con	30	
XXI	BỘ CÁNH CỨNG			
149	Bồ củi	Con	1	
XXII	BỘ HÌNH NHỆN			
150	Bò Cạp	Con	6	
151	Nhện	Con	2	
152	Rết	Con	15	
XXIII	BỘ SẾU			
153	Sếu đầu đỏ	Con	1.200	
154	Sếu xám	Con	60	
155	Chim rẽ mỏ thìa	Con	1.100	
XXIV	LOẠI KHÁC			
156	Sâu Keo	Kg	300	
157	Địa Sâm	Kg	30	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2014/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 01 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 3607/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 trực thuộc Phòng Quản lý đô thị;

Căn cứ Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8 (tại Tờ trình số 564/TTr-QLĐT ngày 09/9/2014), Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8 (tại Công văn số 297/TP-VB ngày 29/10/2014) và Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5649/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về ban hành Quy chế tạm thời tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Tá Hoàng Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 8)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 do Ủy ban nhân dân Quận 8 thành lập nhằm giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, tổ chức thi hành các quyết định hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 giao.

2. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 trực thuộc Phòng Quản lý đô thị Quận 8; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8, đồng thời chịu sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan.

3. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 sử dụng con dấu và tài khoản của Phòng Quản lý đô thị Quận 8 để hoạt động, có trụ sở làm việc, được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, tham mưu Trưởng Phòng

Quản lý đô thị quận trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân Quận 8 phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Tham mưu trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân Quận 8 kế hoạch tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tổ chức, cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực:

- a) Về trật tự lòng lề đường, nơi công cộng trên địa bàn quận;
- b) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn quận.

3. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Các quyết định hành chính gồm: Quyết định hành chính có nội dung về giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà, đất của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 8; quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, Thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn quận; các quyết định hành chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Tuân tra, phát hiện và thông báo kịp thời đến Đội Thanh tra địa bàn Quận 8 thuộc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về tình hình xây dựng trên địa bàn 16 phường Quận 8.

6. Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Đội.

7. Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8 ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị mà Ủy ban nhân dân phường không kịp thời xử lý.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III

TỔ CHỨC, BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 có Đội trưởng, không quá 03 Đội phó và các thành viên.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8 và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8.

4. Đội phó Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 thực hiện nhiệm vụ do Đội trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Đội trưởng và pháp luật về lĩnh vực được phân công.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 (hoặc Phó Chủ tịch được phân công phụ trách) ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực được phân công;

b) Phối hợp với các cơ quan, ban ngành của quận, Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính đã có hiệu lực thi hành;

c) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội; kịp thời phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn Quận 8 thuộc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 trong thực thi nhiệm vụ; tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận những vấn đề phức tạp, phát sinh khi thi hành quyết định;

d) Tham mưu (hoặc ký) các văn bản liên quan chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định;

đ) Tùy vào quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể của Đội, Đội trưởng phân công công chức, cộng tác viên phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, có hiệu quả và tiết kiệm;

e) Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xử lý cán bộ, công chức, cộng tác viên thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có trách nhiệm giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

7. Nhiệm vụ của các thành viên:

a) Chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội, sự phân công của Đội trưởng, Đội phó phụ trách;

b) Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định trong lĩnh vực được phụ trách (công chức đang thi hành công vụ) chuyển Đội trưởng xử lý theo quy định và tham gia tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

8. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ:

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp:

- Tham mưu lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ: dự thảo ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận trên các lĩnh vực trật tự lòng lề đường, vệ sinh môi trường, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các lĩnh vực khác được phân công;

- Xây dựng kế hoạch cưỡng chế thu hồi đất các dự án trên địa bàn quận;

- Tổng hợp và báo cáo hàng tuần, tháng, quý, năm các mặt hoạt động của Đội về Phòng Quản lý đô thị và Ủy ban nhân dân Quận 8 theo quy định;

- Tiếp nhận công văn đi và đến.

b) Tổ thi hành quyết định:

- Tổng đạt các quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đôn đốc thực hiện các quyết định vi phạm hành chính được Ủy ban nhân dân quận giao và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố chuyển về;

- Xử lý, phối hợp các phòng ban và Ủy ban nhân dân phường giải quyết đơn phản ánh, đơn khiếu nại, đơn tố cáo được Ủy ban nhân dân quận phân công;

- Tham mưu Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 trình Ủy ban nhân dân quận các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà tổ chức hoặc cá nhân vi phạm hành chính chưa chấp hành;

- Tham mưu Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 trình Ủy ban nhân dân quận báo cáo tình hình thực hiện các quyết định của quận và của Thành phố.

c) Tổ Cơ động:

- Phối hợp Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ về trật tự đô thị (lòng lề đường), vệ sinh môi trường;

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện: kiểm tra an toàn giao thông đường thủy nội địa; quản lý giá cả; phòng chống dịch gia súc, gia cầm;

- Tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời đến Đội Thanh tra địa bàn thuộc Sở Xây dựng Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về tình hình xây dựng trên địa bàn phường và hỗ trợ trong công tác cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi có yêu cầu;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 giao.

d) Tổ Quản lý trật tự đô thị 16 phường:

Tổ Quản lý trật tự đô thị 16 phường chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và công tác, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ và kiểm tra của Đội Quản lý trật tự đô thị quận; đồng thời chịu sự phân công, giám sát của Ủy ban nhân dân phường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở phường trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn phường;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra và kịp thời phát hiện, lập biên bản, yêu cầu tổ chức và cá nhân chấm dứt ngay các hành vi vi phạm trên các lĩnh vực liên quan về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường nơi công cộng trên địa bàn. Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; theo dõi việc thực hiện các quyết định xử phạt. Trong trường hợp tổ chức và cá nhân

không tự giác chấp hành, Tổ trưởng phải đề xuất tổ chức cưỡng chế thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn phường theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân phường lập hồ sơ ban đầu về vi phạm hành chính trên lĩnh vực liên quan về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và chuyển hồ sơ về Đội Quản lý trật tự đô thị quận đối với các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

- Theo dõi việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp; phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định; phối hợp thực hiện các biện pháp áp dụng các hình thức phạt bổ sung và có biện pháp khắc phục hậu quả của quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc cá nhân theo đúng quy định;

- Tổng hợp tình hình trật tự đô thị, vệ sinh môi trường định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân phường và Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8;

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận và pháp luật về việc không phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn phường và các nhiệm vụ khác được giao;

- Chịu trách nhiệm trước Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trong công tác giám sát lĩnh vực xây dựng trên địa bàn phường; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường các trường hợp xây dựng để kịp thời xử lý.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế Đội Quản lý trật tự đô thị quận thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của quận, được bố trí theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định số lượng công tác viên phù hợp điều kiện đặc thù của quận và thực hiện hiện hợp đồng lao động khoán việc trên cơ sở nguồn kinh phí quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương

1. Đối với công chức, hợp đồng tạm tuyển đang hưởng lương ngạch, bậc công chức hành chính tiếp tục hưởng theo quy định.

2. Đối với cộng tác viên: Thực hiện hợp đồng khoán việc theo quy định của Bộ luật Lao động, mức lương khoán theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo

Mức phụ cấp chức vụ như sau:

- Đội trưởng hưởng hệ số: 0,25
- Đội phó hưởng hệ số : 0,20

Điều 7. Trang phục

1. Trợ cấp trang phục: Mỗi năm trợ cấp 02 bộ

2. Trang phục:

- Áo màu xanh da trời nhạt, có cầu vai, hai túi có nắp và khuy cài;
- Nón, quần màu xanh đậm;
- Thẻ đeo có dán ảnh (tương tự thẻ cán bộ, công chức).

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Tiền phạt thu từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính do Đội Quản lý trật tự đô thị quận tham mưu xử lý phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở số tiền thu được, đơn vị thụ hưởng xây dựng dự toán về mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, chi cộng tác viên và các nhiệm vụ khác chưa được ngân sách đảm bảo, để Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân quận căn cứ quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính thành phố trong từng lĩnh vực cụ thể cấp lại số thu phạt cho đơn

vi theo dự toán với mức tối đa 100% số thu từ xử phạt vi phạm hành chính được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Nguồn thu được trích từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng của Đội Thanh tra địa bàn Quận 8 do Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan theo hướng dẫn của Sở Tài chính thành phố.

Chương V

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 thực hiện thời gian làm việc theo quy định pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân quận; xây dựng quy chế làm việc của Đội Quản lý trật tự đô thị theo quy định;

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên;

c) Thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc; đồng thời phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ;

d) Thành viên Đội Quản lý trật tự đô thị chịu trách nhiệm thi hành quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân quận, quy chế làm việc của Đội; có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Đội, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận hàng tuần tổ chức họp giao ban với thành viên công tác tại Đội và Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị 16 phường để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức họp giao ban toàn lực lượng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 8 nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

b) Đội trưởng có quyền tổ chức họp Đội đột xuất để triển khai các công việc theo yêu cầu chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận;

c) Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cuối năm, Đội Quản lý trật tự đô thị thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính và báo cáo sơ kết, tổng kết công tác đối với Ủy ban nhân dân quận, Phòng Quản lý đô thị quận.

Điều 10. Mọi quan hệ công tác

Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 có mọi quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 8:

Đội chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Đội trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với Phòng Quản lý đô thị Quận 8:

Đội trưởng chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị.

3. Đối với Đội Thanh tra địa bàn Quận 8:

a) Đội thực hiện tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời bằng văn bản về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Đội Thanh tra địa bàn Quận 8 và nhận phản hồi kết quả xử lý bằng văn bản từ Đội Thanh tra địa bàn Quận 8;

b) Đội Thanh tra địa bàn Quận 8 có trách nhiệm cử cán bộ trực ban tiếp nhận thông tin (có sổ ghi chép đầy đủ) do Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 chuyển đến, báo cáo Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn xử lý theo quy định;

c) Phối hợp các đơn vị liên quan theo dõi, thi hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng, trật tự đô thị của Ủy ban nhân dân Quận 8.

4. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8:

Đội có trách nhiệm phối hợp phát hiện, thông báo kịp thời bằng văn bản với Phòng Tài nguyên và Môi trường, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm để xử lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Phòng Tài chính-Kế hoạch Quận 8:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

6. Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 8:

Đội Quản lý trật tự đô thị có trách nhiệm phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình quản lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn quận khi có yêu cầu.

7. Đối với Công an Quận 8:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với Công an quận thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận;

b) Được Công an quận hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự khi thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Quận 8:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, chính trị - xã hội quận trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội;

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định;

c) Đội Quản lý trật tự đô thị quận có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định. Trong phối hợp giải quyết công việc nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch (Phó chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

9. Đối với Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8:

Đội Quản lý trật tự đô thị quận tổ chức kiểm tra tình hình trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn phường; Thực hiện tuần tra, phát hiện và

thông báo kịp thời về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân phường kiểm tra, xử lý.

10. Đối với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường:

Đội Quản lý trật tự đô thị quận phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Đội; Xử lý kịp thời những thông tin liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường phát hiện, phản ánh.

Chương VI
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 11. Khen thưởng

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có thành tích trong công tác thì được Đội trưởng đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận báo cáo đề nghị Ủy ban nhân dân quận khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Kỷ luật

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có hành vi vi phạm quy định pháp luật, vi phạm quy chế làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ Công chức, Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật liên quan hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Căn cứ Quy chế này, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8 có trách nhiệm triển khai thực hiện, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Đội; quyền hạn, trách nhiệm của công chức, cộng tác viên của Đội phù hợp với đặc điểm của địa phương nhưng không trái với nội dung quy chế này. Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 8,

Trưởng Phòng Quản lý đô thị Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc các quy định mới của thành phố thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp với các quy định pháp luật được ban hành và thực tiễn của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Tá Hoàng Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 21 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 146/TTr-NV ngày 14 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ và Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và nhiệm vụ công tác của Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân huyện:

a) Dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật, các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động giáo dục trên địa bàn huyện;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch 05 năm, hàng năm và chương trình, nội dung cải cách hành chính Nhà nước về lĩnh vực giáo dục trên địa bàn huyện;

c) Dự thảo quy hoạch mạng lưới các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ, trường, lớp mẫu giáo, không bao gồm nhóm trẻ,

lớp mẫu giáo độc lập tư thục (gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) và trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố và Ủy ban nhân dân huyện.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Dự thảo các quyết định thành lập (đối với các cơ sở giáo dục công lập), cho phép thành lập (đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập), sáp nhập, chia, tách, giải thể các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài): trường trung học cơ sở, trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm học tập cộng đồng, các cơ sở giáo dục có tên gọi khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương, các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về giáo dục.

4. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục các cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

5. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch, chuyên môn, nghiệp vụ, các hoạt động giáo dục, phổ cập giáo dục; công tác tuyển sinh, thi cử, xét duyệt, cấp văn bằng, chứng chỉ đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương trong lĩnh vực giáo dục.

8. Tổ chức thực hiện công tác xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, công tác thi đua, khen thưởng về giáo dục trên địa bàn huyện.

9. Phối hợp với Phòng Nội vụ hướng dẫn các cơ sở giáo dục xác định vị trí việc làm, số người làm việc; tổng hợp vị trí việc làm, số người làm việc của các cơ sở giáo dục; quyết định vị trí việc làm, số người làm việc cho các cơ sở giáo dục sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng, hợp đồng, điều động, luân chuyển, biệt phái và thực hiện chính sách

đối với công chức, viên chức của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện và công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

10. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, giáng chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập; công nhận, không công nhận Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện.

11. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng, lập dự toán ngân sách giáo dục hàng năm; tổng hợp ngân sách giáo dục hàng năm để cơ quan tài chính cùng cấp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quyết định giao dự toán chi ngân sách giáo dục cho các cơ sở giáo dục khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xác định, cân đối ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác cho giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

12. Phối hợp Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch giúp Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra, thanh tra thực hiện việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

13. Thực hiện cải cách hành chính, công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến giáo dục và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố và Ủy ban nhân dân huyện.

15. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân huyện; thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Lãnh đạo phòng

Phòng Giáo dục và Đào tạo có 01 Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Các Phó Trưởng Phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Trưởng Phòng và Phó Trưởng Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý biên chế công chức, Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Phòng Nội vụ xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và quyết định số biên chế công chức hàng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đủ biên chế công chức theo vị trí việc làm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Bộ máy

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc như sau:

- Bộ phận quản lý ngành học mầm non.
- Bộ phận quản lý bậc tiểu học và chuyên biệt.
- Bộ phận quản lý bậc trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc.
- Bộ phận chỉ đạo nghiệp vụ và thanh tra giáo dục.
- Bộ phận tổ chức cán bộ, pháp chế.
- Bộ phận hành chính - tổng hợp - kế hoạch - văn thư.

Căn cứ khối lượng công việc và tình hình nhân sự cụ thể của Phòng, mỗi mặt công tác được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ chi tiết, những công việc, phần việc cụ thể, rõ ràng để xác định chức danh của cán bộ công chức và số lượng biên chế cho phù hợp.

Phụ trách từng việc do lãnh đạo Phòng trực tiếp quản lý, có thể kết hợp làm việc theo chế độ chuyên viên tùy theo tính chất, khối lượng công việc do Trưởng Phòng quy định.

Điều 6. Các cơ sở giáo dục

Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức và cá nhân nước ngoài): trường trung học cơ sở, trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non, trường chuyên biệt, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp huyện, Trường Bồi dưỡng giáo dục huyện.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo làm việc theo chế độ thủ trưởng, Trưởng Phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng Phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng Phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng Phòng khác, Phó Trưởng Phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng Phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng Phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng Phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng Phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng Phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 8. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Theo định kỳ trên, các bộ phận họp với Phó Trưởng Phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng, tổ chức họp toàn thể cơ quan một lần; tùy theo tình hình công tác có thể tổ chức họp đột xuất để đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 9. Các mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác giáo dục và đào tạo, Trưởng Phòng trực tiếp nhận chỉ thị và nội dung công tác từ Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch phụ trách) và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công.

b) Theo định kỳ phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp chuyên môn trong quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố:

Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, để thực hiện chức năng theo quy định, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong trường hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

b) Trước khi trình các văn bản, đề án cho Ủy ban nhân dân huyện quyết định, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phải chủ động liên hệ, thảo luận với các cơ quan chuyên môn khác về những vấn đề có liên quan đến các cơ quan đó.

4. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước.

b) Thực hiện chế độ kiểm tra chuyên ngành theo chức năng của Phòng Giáo dục và Đào tạo và khi Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu.

c) Cung cấp cho xã, thị trấn các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của ngành tại địa phương.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế để triển khai thực hiện.

Điều 11. Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thực hiện quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng phòng Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

Cử Chi, ngày 20 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức,
viên chức đi nước ngoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Bí thư về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2007/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hành chính trong công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, công dân;

Căn cứ Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ;

Căn cứ Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 1270/TTr-PNV ngày 14 tháng 11 năm 2014 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Công văn số 564/TP ngày 12 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 21 xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này xác định thẩm quyền quản lý, xét duyệt và cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi đi nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức được quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Viên chức được quy định tại Luật Viên chức do Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ, cụ thể:

1. Cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng trong chi tiêu biên chế công tác tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân 21 xã - thị trấn; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện quản lý đã được tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.
3. Nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ tại các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

Điều 3. Đối tượng chưa xét duyệt đi nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức chưa được xét duyệt đi nước ngoài thuộc một trong những trường hợp sau đây:

1. Các đơn vị đang tiến hành thanh tra, kiểm tra mà trong đó cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra, kiểm tra tại cơ quan, đơn vị công tác.

2. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến công tác điều tra tội phạm.

3. Đang có nghĩa vụ chấp hành bản án dân sự, kinh tế; đang chờ để giải quyết tranh chấp về dân sự, kinh tế.

4. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp để thực hiện nghĩa vụ đó.

5. Vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

6. Có hành vi vi phạm hành chính về xuất nhập cảnh theo quy định của Chính phủ.

7. Đang có nghĩa vụ chấp hành bản án hình sự.

8. Vì lý do ngăn chặn dịch bệnh nguy hiểm lây lan.

Điều 4. Nguyên tắc xét duyệt đi nước ngoài

1. Việc cử đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài phải có mục đích, nội dung, kế hoạch rõ ràng, tránh trùng lặp với đoàn đi trước. Thành phần đoàn cần gọn, gồm những người thực sự cần thiết cho công việc, thời gian đi hợp lý, chi phí phải tiết kiệm theo quy định. Khi kết thúc chuyến đi phải báo cáo kết quả cho cấp thẩm quyền, theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

2. Việc chọn cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài phải bảo đảm an ninh, bí mật quốc gia, bí mật cơ quan đang công tác; việc đi nước ngoài không ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thực thi công vụ của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức.

3. Việc mời, xin phép và cấp phép đi nước ngoài phải thể hiện bằng văn bản; tổ chức, cá nhân liên quan đến chuyến đi có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác tài liệu, thông tin cần thiết để cấp thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ xét duyệt được lưu trữ tại cơ quan tham mưu ban hành Quyết định.

4. Quốc gia và vùng lãnh thổ mà cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phải có thành tựu tiên tiến trong lĩnh vực quản lý hành chính, kinh tế, kỹ thuật, khoa học công nghệ; có kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực cần

học tập, nghiên cứu và có thể áp dụng tại Việt Nam; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của quốc gia và vùng lãnh thổ được cử đến phải có các điều kiện học tập, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy đáp ứng được mục đích, nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng.

5. Việc cử, cho phép cán bộ, đảng viên đi nước ngoài phải thực hiện đúng Điều 5 Chương III quy định việc ra nước ngoài, quan hệ tổ chức, cá nhân người nước ngoài theo Quy định số 57-QĐ/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị “Về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng” và Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Bí thư về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Trường hợp nghỉ phép đi nước ngoài về việc riêng: Cán bộ, công chức, viên chức nghỉ phép đi nước ngoài vì việc riêng theo đúng quy định của pháp luật về lao động và không quá số ngày được nghỉ phép trong năm.

Điều 5. Tiêu chuẩn xét duyệt đi nước ngoài vì mục đích công vụ

Những người được cử, cho phép đi nước ngoài vì mục đích công vụ phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

1. Bảo đảm tin cậy về chính trị, không có dấu hiệu phức tạp về chính trị và phẩm chất, đạo đức.

2. Có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chuyến đi nước ngoài; nội dung đi nước ngoài để nghiên cứu, hội nghị, hội thảo phải phù hợp với chức trách, nhiệm vụ đang được phân công đảm nhiệm.

3. Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Các trường hợp đi nước ngoài để tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng nguồn ngân sách nhà nước, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên còn phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 18 Chương III Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ XÉT DUYỆT ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định:

a) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ trong trường hợp đặc biệt (từ lần thứ 3 trong năm và thật sự cần thiết cho công việc chuyên môn của cơ quan, đơn vị).

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ từ 03 tháng trở lên.

c) Cho phép đi nước ngoài về việc riêng nhưng có thư mời đích danh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

d) Cho phép đi nước ngoài về việc riêng của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc quyền quản lý (kể cả người làm công theo chế độ hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên) đi nước ngoài về việc riêng; đi nước ngoài vì mục đích công vụ từ 01 ngày đến dưới 03 tháng và không quá 02 lần trong năm.

Điều 7. Phân công thẩm định hồ sơ, xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện soạn thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho phép đi nước ngoài về việc riêng cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện.

2. Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài đối với các trường hợp:

a) Cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ từ lần thứ 03 trở lên trong năm; cử đi đào tạo, bồi dưỡng, khảo sát, thực tập, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, hội nghị, hội thảo ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên.

b) Đi nước ngoài theo thư mời đích danh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

3. Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài đối với các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ như: đào tạo, bồi dưỡng, khảo sát, thực tập, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, hội nghị, hội thảo... ở nước ngoài từ 01 ngày đến dưới 03 tháng (không quá 02 lần trong năm).

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng như: Du lịch, thăm gia đình, thăm người thân, chữa bệnh....

Điều 8. Thành phần hồ sơ đề nghị đi nước ngoài vì mục đích công vụ và xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng của cán bộ, công chức, viên chức.

1. Thành phần hồ sơ đề nghị đi nước ngoài vì mục đích công vụ:

Lần 1: 02 bộ hồ sơ, gồm:

a) Công văn đề nghị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký (nêu rõ mục đích, nội dung, thời gian, kinh phí chuyến đi...).

b) Thư mời của cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế (bản phô tô và bản dịch).

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

- Sau khi có Văn bản của Chủ tịch UBND huyện đề nghị Công an thành phố xem xét, xác minh lý lịch cho cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài liên hệ với Công an thành phố để được xác minh lý lịch.

Lần 2: Cá nhân đi nước ngoài nộp lại phiếu xác minh lý lịch của Công an thành phố để Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức đi công tác theo đoàn (khảo sát, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm) thời gian dưới 10 ngày thì cơ quan được giao chủ trì hoặc chủ trì chuyến đi chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo Điểm a, c Khoản 1 của Điều này và phiếu xác minh lý lịch của Công an thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

2. Thành phần hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng:

a) Đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh, hồ sơ gồm có:

- Công văn đề nghị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký (nêu rõ mục đích, thời gian, kinh phí chuyến đi...).

- Đơn xin phép đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Thành phần hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh:

Lần 1: 02 bộ hồ sơ, gồm:

- Công văn đề nghị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký (nêu rõ mục đích, nội dung, thời gian, kinh phí, đơn vị tài trợ chuyển đi).
- Đơn xin phép đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức.
- Thư mời của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế (bản phô tô và bản dịch).
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- Sau khi có Văn bản của Chủ tịch UBND huyện đề nghị Công an thành phố xem xét, xác minh lý lịch cho cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài liên hệ với Công an thành phố để được xác minh lý lịch.

Lần 2: Cá nhân đi nước ngoài nộp lại phiếu xác minh lý lịch của Công an thành phố để Chủ tịch UBND huyện xem xét trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị đi nước ngoài vì mục đích công vụ và xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng của cán bộ, công chức, viên chức

1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị đi nước ngoài vì mục đích công vụ của cán bộ, công chức, viên chức:

a) Đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định về Phòng Nội vụ huyện trước 25 ngày làm việc kể từ ngày đi công tác (trong đó 10 ngày UBND huyện thụ lý hồ sơ trình UBND thành phố, 15 ngày UBND thành phố xem xét, quyết định).

b) Đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích công vụ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định về Phòng Nội vụ huyện trước 10 ngày làm việc kể từ ngày đi công tác.

2. Thời gian nộp hồ sơ xin xét duyệt đi nước ngoài về việc riêng của cán bộ, công chức, viên chức.

a) Đi nước ngoài về việc riêng không có thư mời đích danh: hồ sơ nộp về Phòng Nội vụ trước 07 ngày làm việc kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức xin nghỉ đi nước ngoài.

b) Đi nước ngoài về việc riêng có thư mời đích danh: hồ sơ nộp về Phòng Nội vụ trước 30 ngày làm việc kể từ ngày cán bộ, công chức, viên chức xin nghỉ đi nước ngoài (trong đó 10 ngày UBND huyện thụ lý hồ sơ trình UBND thành phố, 20 ngày UBND thành phố xem xét, quyết định).

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được xét duyệt, cử đi nước ngoài.

1. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cử, cho phép đi nước ngoài; cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên có trách nhiệm báo cáo và gửi cấp ủy chi bộ nơi đang sinh hoạt một bản sao quyết định. Cấp ủy - chi bộ có đảng viên đi nước ngoài có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đảng viên theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Trong thời gian ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên có trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác, học tập, nghiên cứu và thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân Việt Nam khi ở nước ngoài, chấp hành các quy định pháp luật của nước sở tại.

3. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày về nước; trưởng đoàn (nếu đi theo đoàn), cán bộ, công chức, viên chức (nếu đi riêng lẻ) báo cáo kết quả chuyến đi gửi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cử, cho phép đi nước ngoài, người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý và chi bộ nơi đang sinh hoạt đảng (nếu là đảng viên). Nội dung, thời hạn nộp báo cáo là cơ sở để cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên đi nước ngoài lần sau.

4. Quản lý, sử dụng hộ chiếu Ngoại giao, hộ chiếu công vụ:

a) Hộ chiếu công vụ, hộ chiếu ngoại giao do Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức quản lý; Hộ chiếu phổ thông do cán bộ, công chức, viên chức giữ, bảo quản.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không còn thuộc diện được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (nghỉ hưu, ra khỏi diện biên chế, chấm dứt hợp đồng lao động, bị chết, bị mất tích..) mà hộ chiếu được cấp vẫn còn giá trị, thì Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức phải làm thủ tục thu hồi để nộp lại cho cơ quan cấp hộ chiếu theo quy định.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến công tác ở nước ngoài, cán bộ, công chức phải nộp hộ chiếu cho Thủ

trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Thủ trưởng đơn vị chấp thuận.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm với Ủy ban nhân dân huyện về việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; thường xuyên phối hợp với cấp ủy, ủy ban kiểm tra, thanh tra nhân dân cùng cấp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên. Định kỳ hàng năm, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên để phòng ngừa việc xuất cảnh, nhập cảnh không phép; khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức vi phạm, phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo xử lý.

Điều 12. Cán bộ, công chức, viên chức ra nước ngoài phải chấp hành nghiêm Quy định này, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời xem xét trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 13. Các cơ quan, đơn vị phải tuân thủ thực hiện đúng quy định này và có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo số lượng, kết quả xét duyệt, cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài của đơn vị mình gửi về Phòng Nội vụ vào ngày 05 tháng 06 và ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, trở ngại, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản thông qua Phòng Nội vụ để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2014***NGHỊ QUYẾT****Về quyết toán ngân sách thành phố năm 2013****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16****(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2013;

Xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về quyết toán ngân sách thành phố năm 2013; Báo cáo thẩm tra số 763/BCTT-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2013, như sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước của thành phố (không tính thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước) là 238.942,213 tỷ đồng; bao gồm thu trên địa bàn là 227.178,949 tỷ đồng và số Bộ Tài chính phân bổ cho thành phố là 11.763,264 tỷ đồng; đạt 100,89% so với dự toán, trong đó:

- Thu NSNN phần nội địa: 124.762,372 tỷ đồng; bao gồm thu trên địa bàn là 118.659,687 tỷ đồng và số Bộ Tài chính phân bổ cho thành phố là 6.102,685 tỷ đồng; đạt 93,05% dự toán và tăng 14,02% so cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 76.621,044 tỷ đồng; đạt 95,72% dự toán, đạt 106,42% so với chỉ tiêu của Tổng cục Hải quan thông báo (72.000 tỷ đồng) và tăng 12,99% so cùng kỳ.

- Thu từ dầu thô: 36.777,791 tỷ đồng; bao gồm số thu trên địa bàn là 31.117,212 tỷ đồng và số Bộ Tài chính phân bổ cho thành phố là 5.660,579 tỷ đồng; đạt 162% dự toán và tăng 7,3% so cùng kỳ.

- Thu viện trợ: 781,006 tỷ đồng.

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 76.757,962 tỷ đồng; trong đó:

- Thu điều tiết theo phân cấp: 39.420,746 tỷ đồng, đạt 101,91% so với dự toán năm và tăng 1,51% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 1.218,215 tỷ đồng

- Thu kết dư năm trước: 11.881,283 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn năm trước: 10.167,907 tỷ đồng

- Thu từ viện trợ không hoàn lại: 781,006 tỷ đồng

- Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 10.288,805 tỷ đồng

2. Về chi ngân sách địa phương:

Tổng số chi ngân sách địa phương là: 62.305,441 tỷ đồng, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách: 21.651,494 tỷ đồng, bao gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 20.552,550 tỷ đồng, trong đó:

- Chi thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm: 15.919,878 tỷ đồng, bằng 166,03% dự toán đầu năm bố trí từ cân đối ngân sách; bằng 99,5% kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2013 được giao.

- Chi chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư sang năm 2014 để theo dõi, thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: 4.632,672 tỷ đồng.

b. Chi trả nợ vốn gốc và lãi vay đầu tư: 1.098,944 tỷ đồng

2.2. Chi thường xuyên: 26.482,256 tỷ đồng, đạt 93,94% so với dự toán.

2.3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 11,400 tỷ đồng.

2.4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương: 984,420 tỷ đồng.

2.5. Chi chuyển nguồn kinh phí thường xuyên năm 2013 sang năm 2014: 4.813,890 tỷ đồng

2.6. Các khoản chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách địa phương: 8.361,981 tỷ đồng.

3. Kết dư ngân sách năm 2013:

Tổng kết dư ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện, và ngân sách phường - xã - thị trấn) là: 14.452,521 tỷ đồng. Bao gồm:

- Ngân sách thành phố: 11.970,120 tỷ đồng;

- Ngân sách quận huyện: 2.181,832 tỷ đồng;

- Ngân sách phường, xã, thị trấn: 300,569 tỷ đồng.

(Kèm theo các Phụ lục số 1, 2, 3, 4, 5 và 6).

Điều 2. Căn cứ vào việc phê chuẩn của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện công khai tài chính đúng quy định, thường xuyên rà soát những định mức không còn phù hợp và các khoản chi không hợp lý để trình cấp thẩm quyền sửa đổi và gửi báo cáo quyết toán ngân sách thành phố theo qui định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16 (Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2014)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2014;

Sau khi xem xét Báo cáo ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2014 và dự toán thu chi ngân sách năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 763/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về thực hiện nhiệm vụ ngân sách thành phố năm 2014:

Năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách đạt được những kết quả khả quan. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2014 đạt 245,900 tỷ đồng, vượt

8,66% dự toán, đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên, chi các nhiệm vụ đột xuất phát sinh và chi đầu tư phát triển; điều hành ngân sách chặt chẽ, chủ động, tăng cường tiết kiệm trong sử dụng ngân sách, bố trí vốn đầu tư phát triển phù hợp nhu cầu và tình hình đầu tư thực tế, tiến độ giải ngân vốn đầu tư đạt khá.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố đã có những biện pháp huy động vốn bằng nhiều hình thức và đẩy mạnh xã hội hóa để bổ sung nguồn lực cho đầu tư, đáp ứng nhu cầu vốn cho các công trình trọng điểm, cấp bách trên địa bàn, góp phần tích cực đảm bảo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố.

Điều 2. Thông qua dự toán phân bổ ngân sách năm 2015:

1. Về thu, chi ngân sách

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách): 265.776 tỷ đồng, tăng 17,44% so dự toán và tăng 8,08% so ước thực hiện năm 2014.

Bao gồm:

- Tổng thu ngân sách nhà nước phần nội địa : 143.776 tỷ đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu : 90.000 tỷ đồng
- Thu từ dầu thô : 32.000 tỷ đồng

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương : 54.615,928 tỷ đồng

Trong đó:

- Số thu phân chia cho ngân sách địa phương : 43.589,090 tỷ đồng
- Bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách trung ương : 1.279,039 tỷ đồng
- Nguồn cải cách tiền lương : 897,799 tỷ đồng

đưa vào cân đối chi thường xuyên

- Huy động vốn để chi đầu tư phát triển : 6.700 tỷ đồng
- Ghi thu quản lý qua ngân sách : 2.150 tỷ đồng

Bao gồm:

- + Ghi thu hoạt động xổ số kiến thiết : 1.850 tỷ đồng
- + Ghi thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải : 300 tỷ đồng

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương : 54.615,928 tỷ đồng

Bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách : 53.336,889 tỷ đồng
- Chi từ nguồn bổ sung theo mục tiêu của ngân sách trung ương : 1.279,039 tỷ đồng

(Kèm theo Phụ lục số 01, 02, 03, 04)

2. Về phân bổ dự toán chi ngân sách

2.1. Thông qua định mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2015 *(Kèm theo Phụ lục số 05)*.

2.2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2015 : 54.615,928 tỷ đồng

Cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển : 21.375,489 tỷ đồng
- Trong đó chi trả vốn gốc và lãi vay* : 4.416,000 tỷ đồng
- Chi thường xuyên : 31.500,000 tỷ đồng
- Trong đó dự phòng ngân sách* : 1.290,439 tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ Dự trữ tài chính : 11,400 tỷ đồng
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương : 1.279,039 tỷ đồng

ngân sách trung ương:

2.3. Phân bổ dự toán chi thường xuyên từ ngân sách thành phố cho từng cơ quan, sở ban ngành *(Kèm theo Phụ lục số 06)*.

3. Phân bổ dự toán thu chi ngân sách quận huyện

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2015 phân bổ cho 24 quận huyện: 32.646,000 tỷ đồng (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách).

- Tổng thu ngân sách quận huyện năm 2015 (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách): 14.910,172 tỷ đồng, bao gồm:

+ Thu điều tiết được hưởng theo phân cấp: 5.524,278 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 9.020,164 tỷ đồng.

+ Nguồn cải cách tiền lương của quận huyện đưa vào cân đối chi thường xuyên: 365,730 tỷ đồng.

- Tổng dự toán chi ngân sách quận huyện (không tính khoản chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách): 14.910,172 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục số 07, 08, 09, 10, 11)

4. Về huy động vốn đầu tư phát triển

Ủy ban nhân dân thành phố được huy động vốn bằng nhiều hình thức để đảm bảo nguồn chi đầu tư phát triển năm 2015 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

Thông nhất chủ trương phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương trong năm 2015 để bổ sung nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố. Giao Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và thống nhất với Bộ Tài chính theo quy định; đảm bảo sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu đúng mục đích, hiệu quả, bố trí vốn thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.

Điều 3. Trong quá trình điều hành thực hiện ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm các vấn đề sau:

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, giao nhiệm vụ thu chi ngân sách cho từng cơ quan, ban, ngành thành phố và các quận huyện theo đúng quy định.

2. Phấn đấu thu đạt và vượt kế hoạch để đảm bảo cân đối chi theo kế hoạch. Tăng cường các biện pháp quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về nghĩa vụ thuế; tăng cường rà soát đôn đốc, thu nộp nợ thuế kịp thời.

3. Đa dạng phương thức huy động nguồn lực để đầu tư phát triển những dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, vệ sinh môi trường; thực hiện đồng bộ cơ chế khoán chi, đấu thầu trong duy tu giao thông, công viên cây xanh, vận chuyển hành khách bằng phương tiện công cộng để giảm dần số chi từ ngân sách.

4. Đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

5. Việc điều hành sử dụng ngân sách phải theo đúng dự toán được duyệt và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện ngân sách đảm bảo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội Khóa XII về Thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân của Huyện, Quận, Phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân Huyện, Quận, Phường;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2014;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6247/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố, Báo cáo thẩm tra số 762/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2015.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2014:

Tổng sản phẩm nội địa của thành phố (GDP) năm 2014 ước đạt 878.939 tỷ đồng, tăng 9,5% cao hơn năm 2013 (tăng 9,3%), chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt (tăng 3% so năm 2013 tăng 5,2%). Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục chuyển dịch tích cực, đúng hướng; nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh; tích cực, chủ động triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phục hồi sản xuất - kinh doanh; Chương trình bình ổn thị trường được thực hiện hiệu quả gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” góp phần mở rộng thị trường trong nước và kiềm chế chỉ số giá tiêu dùng (thấp hơn so với cả nước). Thu hút đầu tư nước ngoài và khách du lịch quốc tế tăng so với cùng kỳ.

Kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân và thực hiện các chính sách an sinh xã hội đạt kết quả thiết thực, góp phần giảm bớt khó khăn, cải thiện và từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân của người đứng đầu và các cơ quan đơn vị được quan tâm hơn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, bộc lộ một số hạn chế, yếu kém:

- Các chỉ tiêu chưa đạt (7) bao gồm: Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu; tỷ lệ hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý; tỷ lệ xử lý nước thải y tế; số điểm ngập do mưa; số lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng.

- Tăng trưởng kinh tế thành phố phục hồi chậm, chất lượng chưa cao, tổng cầu của kinh tế thành phố còn yếu, cơ cấu lại kinh tế thành phố thực hiện chậm. Xuất khẩu nặng về gia công, giá trị gia tăng thấp. Tình hình sản xuất của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ còn nhiều khó khăn; tăng trưởng tín dụng chưa đạt chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ nợ xấu còn cao; chưa gắn kết việc hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ với phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố; việc ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học - công nghệ vào thực tiễn chưa nhiều.

- Công tác quản lý và phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng đô thị còn bất cập; cơ chế, chính sách xã hội hóa đầu tư, thu hút vốn đầu tư xã hội chưa có bước đột phá, chưa đáp ứng nguồn vốn đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng; tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước nội thị, ô nhiễm môi trường vẫn nghiêm trọng. Nước hợp vệ sinh phục vụ sinh hoạt cho nhân dân chưa đạt chất lượng và chỉ tiêu đề ra.

- Một số vấn đề bức xúc trong lĩnh vực văn hóa - xã hội chậm được khắc phục. Tình hình phạm pháp hình sự và tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng; tình hình cháy, nổ trên địa bàn thành phố còn diễn biến phức tạp, gây tâm lý lo lắng, bất an trong xã hội. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng quan liêu, chưa nắm sát tình hình, chưa giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của nhân dân vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2015:

Mục tiêu tổng quát:

Tập trung mọi nguồn lực tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt kết quả cao nhất các mục tiêu kinh tế - văn hóa - xã hội nhất là mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục chủ động hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; thực hiện có hiệu quả 6 chương trình đột phá; bảo vệ môi trường - ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, khắc phục các yếu kém tồn tại; tăng cường cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch nhiệm vụ năm 2015 qua đó tạo nền tảng, tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu chủ yếu: (25 chỉ tiêu)

a) Các chỉ tiêu kinh tế (05 chỉ tiêu):

- (1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn tăng từ 9,5% trở lên.
- (2) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30% GDP.
- (3) Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng thấp hơn cả nước.
- (4) Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu: 8% - 10%.
- (5) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính ghi thu ghi chi): 265.776 tỷ đồng.

b) Các chỉ tiêu xã hội (8 chỉ tiêu):

- (1) Số lao động được tạo việc làm mới: 120.000 người.
- (2) Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề: 72%.
- (3) Tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 4,6%.
- (4) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí thành phố giảm còn dưới 1%.
- (5) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 8%.
- (6) Số giường bệnh trên 10.000 dân: 42 giường.
- (7) Số bác sĩ trên 10.000 dân: 15 bác sĩ.
- (8) Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 17m²/người.

c) Các chỉ tiêu môi trường (12 chỉ tiêu):

- (1) Phần đầu các hộ dân thành phố được sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh: 100%.
- (2) Tỷ lệ diện tích che phủ rừng và cây xanh phân tán quy đổi trên tổng diện tích đất tự nhiên đến cuối năm 2015 đạt 40%.
- (3) Tỷ lệ chất thải rắn thông thường ở đô thị được thu gom, xử lý: 100%.
- (4) Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý: 100%.
- (5) Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý: 100%.
- (6) Tỷ lệ Khu chế xuất, Khu công nghiệp đang hoạt động đảm bảo có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường: 100%.
- (7) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 95%.
- (8) Tỷ lệ xử lý nước thải y tế: 100%.
- (9) Phần đầu xóa 49/58 điểm ngập do mưa (kể cả 33 điểm tái ngập) và 21/29 điểm ngập phát sinh mới do mưa.
- (10) Số lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng: tối thiểu 600 triệu lượt người.
- (11) Kim hãm và giảm dần số vụ ùn tắc giao thông trên 30 phút.
- (12) Giảm từ 5% trở lên số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông so với năm 2014.

III. Nhiệm vụ và các giải pháp chính:

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản thống nhất với các nhiệm vụ và giải pháp do Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tại kỳ họp; đồng thời đề nghị lưu ý những vấn đề sau:

1. Về phát triển kinh tế:

Tập trung huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của thành phố, tiếp tục và quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cấu trúc kinh tế thành phố, đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng; tiếp tục thúc đẩy phát triển 9 nhóm ngành dịch vụ, 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao; phát triển mạnh các ngành công nghiệp hỗ trợ theo sản phẩm ngành và lĩnh vực công nghiệp gắn với hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu, hoạt động đổi mới, sáng tạo, thương mại hóa thành tựu khoa học - công nghệ, ứng dụng vào sản xuất, tăng cường chuyển giao công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ thiết bị; tạo điều kiện phát triển công nghiệp thời trang.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính ở các cấp chính quyền và các Sở ngành để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm phiền hà cho nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp. Triển khai sâu rộng chương trình bình ổn giá, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản.

Tập trung nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí nông thôn mới, đầu tư và bổ sung chính sách thu hút nguồn lực xã hội, phấn đấu hoàn thành cơ bản việc xây dựng nông thôn mới ở tất cả các xã trên địa bàn thành phố trong năm 2015.

Triển khai các biện pháp quản lý, khai thác và bồi dưỡng nguồn thu; phân loại nợ đọng thuế để đơn đốc, thu nộp thuế kịp thời, chống thất thu ngân sách Nhà nước, hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh Trung ương giao. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng ngân sách, kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết; phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị.

2. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị bền vững

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị phải là nền tảng cho phát triển thành phố và phát triển kinh tế Vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

Hoàn thành và phê duyệt quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra, thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố; phát triển hạ tầng giao thông hoàn chỉnh, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống tàu điện ngầm; phát triển hạ tầng thủy lợi, chống ngập nước, bảo đảm diện tích sông rạch để hỗ trợ tiêu thoát nước, đảm bảo khả năng kiểm soát triều, tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp xây dựng các hồ điều tiết tại các khu vực phù hợp, triển khai kế hoạch tăng cường mảng xanh.

Sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách và có tính chất ngân sách; tranh thủ nguồn vốn ODA; bố trí vốn đảm bảo đúng mục tiêu, mục đích và hợp lý.

3. Phát triển văn hóa - xã hội, khoa học công nghệ và bảo đảm an sinh xã hội

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế, chú trọng hệ thống y tế dự phòng; đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các bệnh viện, khu điều trị kỹ thuật cao; quy hoạch phát triển ngành hóa dược; tiếp tục kêu gọi đầu tư và xây dựng mới các bệnh viện tại các cửa ngõ thành phố; các dự án y tế chuyên sâu; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; giải quyết tạo chuyển biến căn bản tình trạng quá tải ở các bệnh viện. Chủ động giám sát các loại dịch bệnh, đảm bảo kiểm soát được tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Phát triển văn hóa, con người thành phố toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân

văn, dân chủ và khoa học; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa.

Thực hiện đồng bộ 3 giải pháp chủ yếu để phát triển khoa học - công nghệ: nâng cao trình độ nghiên cứu và năng lực sáng tạo khoa học - công nghệ; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ cao. Xây dựng chính sách bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và trọng dụng các chuyên gia khoa học - công nghệ trong và ngoài nước theo hướng tạo môi trường thuận lợi phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ tri thức.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục - thể thao, mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; tập trung đầu tư có trọng điểm một số môn thể thao thành tích cao và ưu thế của thành phố.

Triển khai có hiệu quả các chính sách, quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội và Chương trình giảm hộ nghèo giai đoạn 4. Phát huy tích cực các phong trào đền ơn đáp nghĩa trong toàn xã hội, thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công, tạo điều kiện chăm lo đời sống cho các gia đình chính sách. Thực hiện tích cực, sáng tạo, hiệu quả nhiều chính sách xã hội, chăm lo lợi ích chính đáng và hợp pháp của nhân dân, phát huy các nguồn lực xã hội theo phương châm “phát huy sức dân chăm lo cho dân”.

4. Chủ động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững:

Thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, xử phạt nghiêm khắc các hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường.

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân; bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch hành động của Thành phố để triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, lồng ghép

các quan điểm nguyên tắc phát triển bền vững trong quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu, nội dung phát triển bền vững thường xuyên và chặt chẽ.

Chủ động phối hợp với các tỉnh trong Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam xây dựng cơ chế phối hợp triển khai thực hiện, trong đó tập trung vào 6 nhiệm vụ trọng tâm: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng gắn với quy hoạch vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế và đào tạo nguồn nhân lực.

5. Tập trung thực hiện có hiệu quả 6 Chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của cơ quan thường trực từng chương trình trong việc kiểm tra, đánh giá, đề ra các giải pháp mới từ thực tiễn để nâng cao chất lượng, hiệu quả, tạo bước chuyển biến tích cực trong việc thực hiện từng chương trình đột phá trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát cơ sở trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện 6 Chương trình đột phá và các công trình trọng điểm để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác dân vận của chính quyền. Chỉ đạo nhân rộng các mô hình, điển hình tốt ở các lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực cải cách hành chính.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính có hiệu quả hơn, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhất là trong cải cách hành chính, liên kết và đồng bộ cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố. Khắc phục có hiệu quả tình trạng quan liêu, chưa nắm sát tình hình ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị.

Thực hiện chế độ công khai và minh bạch các thủ tục hành chính; đảm bảo tiếp công dân theo luật định, gặp gỡ, đối thoại với nhân dân để giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, tiếp nhận những ý kiến góp ý xây dựng chính quyền; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, mở rộng sự giám sát trực tiếp thể hiện sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức; xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây phiền hà cho tổ chức và công dân trong thực thi công vụ.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, nhiệm vụ cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp. Tiếp tục thực hiện Chương trình cải cách tư pháp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp và nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp. Cải cách tư pháp đồng bộ với cải cách kinh tế và cải cách hành chính nhằm góp phần thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tiếp tục tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ thành phố ngày càng vững chắc, gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thành phố. Đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới theo Chỉ thị số 15/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện các biện pháp tổng hợp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cai nghiện tự nguyện, quản lý tốt người nghiện ma túy, giúp người nghiện ma túy cắt cơn, giải độc, cai nghiện thành công, tái hòa nhập cộng đồng. Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, kết hợp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai các giải pháp đồng bộ kéo giảm tai nạn giao thông. Tập trung kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy các cơ sở có nguy cơ cháy cao.

Triển khai có hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết. Tăng cường công tác đối ngoại, ngoại giao nhân dân, đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và thành phố để thu hút bạn bè các nước, các nhà khoa học, nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào tham gia xây dựng đất nước, xây dựng Thành phố.

8. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội; tổ chức tốt các ngày kỷ niệm, các sự kiện trong năm

Các cấp, các ngành phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước. Tổ chức thông tin tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, chính xác về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX; tổ chức long trọng, thiết thực các ngày lễ lớn như: 85 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 70 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9; phổ biến kịp thời chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nhân dân hiểu rõ về tình hình đất nước và các chính sách của Đảng, Nhà nước tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Thực hiện chăm lo Tết Ất Mùi 2015 đảm bảo Tết đến với mọi người, mọi nhà thật sự vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm.

IV. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có kế hoạch tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cùng các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật tăng cường giám sát, phát động các phong trào hành động thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của người dân đến các cấp chính quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo và quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện thắng lợi Kế hoạch kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố năm 2015.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2014

CHỈ THỊ

VỀ TỔ CHỨC ĐÓN MỪNG NĂM MỚI VÀ TẾT ẤT MÙI NĂM 2015

Năm 2015 có vai trò, vị trí rất quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm (2011 - 2015); là năm có những ngày kỷ niệm lịch sử của đất nước và dân tộc, đặc biệt là Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XII của Đảng và thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Để phát huy kết quả đạt được trong năm 2014, chuẩn bị tổ chức các hoạt động phục vụ nhân dân đón năm mới và Tết cổ truyền Ất Mùi năm 2015 với phương châm “Đoàn kết, vui tươi, an toàn, tiết kiệm” để Tết đến với mọi người, mọi nhà, quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2015, Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ Thành phố và Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức đón năm mới và chăm lo Tết; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phục vụ chu đáo đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân, nhất là các gia đình chính sách, các hộ nghèo, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công nhân, sinh viên; tổ chức các chương trình đón năm mới và Tết cổ truyền phong phú, trang trọng, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của nhân dân.

a) Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức mừng năm mới và đón Tết Ất Mùi năm 2015 vui tươi, an toàn, tiết kiệm; đồng thời, phối hợp các đoàn thể ở địa phương vận động nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương trợ; tổ chức thăm hỏi, chăm lo các gia đình chính sách, các lực lượng vũ trang, các vùng kháng chiến cũ,

sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất, học viên ở trung tâm giáo dục của Thành phố ở các tỉnh và những hộ gia đình nghèo... có điều kiện vui Tết trong không khí phấn khởi, đầm ấm, nghĩa tình.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Thành phố tổ chức thăm hỏi, tri ân, tặng quà các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức các hoạt động thiết thực chăm lo cho công nhân, người lao động, sinh viên không có điều kiện về quê vui Tết với tinh thần đoàn kết, tiết kiệm. Hướng dẫn và theo dõi việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo đúng quy định; nắm chắc tình hình đời sống, sinh hoạt của công nhân; phối hợp giải quyết kịp thời và nhanh chóng các vụ đình công, không để ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và an ninh trật tự trên địa bàn.

c) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền gắn với các hoạt động mừng Xuân, mừng Đảng; kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2015); 47 năm cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968 - 2015) và Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các hoạt động chuẩn bị chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X và Kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2015). Bên cạnh đó, tăng cường giới thiệu những thành tựu kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố đã đạt được trong năm 2014, đặc biệt là những nỗ lực của Thành phố nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Thành phố. Ngoài ra, tổ chức, triển khai thực hiện các phương án đảm bảo an toàn mạng lưới và an ninh thông tin, đáp ứng tối đa các nhu cầu thông tin liên lạc (điện thoại, internet, bưu điện...) trong dịp Tết của mọi tầng lớp nhân dân.

d) Ban Tổ chức các ngày lễ lớn của Thành phố và Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ. Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch phối hợp Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức các lễ hội, hội chợ, triển lãm thương mại, bán hàng khuyến mại để kích cầu tiêu dùng; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao chào đón năm mới 2015; trang trí đèn, bố trí cây xanh, hoa kiểng hợp lý tại các trục đường trung

tâm, các khu vui chơi giải trí; tổ chức Hội Hoa Xuân, các Chợ Hoa Tết ở nội thành và ngoại thành phải đảm bảo yêu cầu về thuần phong mỹ tục, đậm đà bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự theo quy định pháp luật; không tổ chức các lễ, hội quá sớm trước Tết hoặc kéo dài nhiều ngày sau Tết.

e) Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân, Tổng biên tập các báo của Thành phố thường xuyên cập nhật thông tin, phản ánh kịp thời các hoạt động chăm lo Tết của Thành phố; quán triệt tinh thần triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ của năm 2015 ngay đầu năm mới để hoàn thành các kế hoạch công tác từ tháng đầu, quý đầu năm 2015. Xây dựng các chương trình, chuyên mục mừng Xuân, mừng Đảng phong phú, sinh động, phù hợp với đời sống xã hội, tập quán, ca ngợi truyền thống, cội nguồn, tình yêu quê hương, đoàn kết dân tộc.

g) Tổng Công ty Điện lực TNHH Một thành viên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên có trách nhiệm đảm bảo cung cấp ổn định và liên tục điện, nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt trong suốt thời gian Tết.

h) Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị tổ chức tổng vệ sinh, dọn dẹp đường phố, cơ quan sạch đẹp. Tổ chức chăm sóc các nghĩa trang liệt sĩ, các nhà bia, các đài tưởng niệm liệt sĩ,... để nhân dân thăm viếng trong dịp Tết.

2. Chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn Thành phố; kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, chống hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý kiên quyết đối với đối tượng tung tin thất thiệt gây bất ổn xã hội.

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 và Tết Ất Mùi 2015, đồng thời theo dõi chặt chẽ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương về kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ Tết; đảm bảo nguồn hàng hóa phong phú, dồi dào chất lượng và giá hợp lý phục vụ nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn, tổ chức kiểm tra, kiểm soát thị trường trong những tháng trước, trong và sau Tết. Triển khai các biện pháp cần thiết hỗ trợ các doanh nghiệp dự trữ và cung ứng hàng hóa thiết yếu thực hiện mục tiêu bình ổn thị trường; chủ động phối hợp, trao đổi

thông tin với ngành công thương của các tỉnh, thành tổ chức kết nối doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa nguồn hàng phục vụ Tết.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý giá, đặc biệt lưu ý các mặt hàng thiết yếu và dịch vụ vận tải phục vụ tết, không để xảy ra tình trạng độc quyền, đầu cơ nâng giá, không thực hiện niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; kịp thời nắm các thông tin biến động về giá, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp nhằm ổn định thị trường kiềm chế lạm phát theo quy định của pháp luật. Chủ động trong cân đối ngân sách cuối năm; tập trung giải quyết nhanh các khoản chi lương, thưởng và thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức và các đối tượng chính sách, có công trước Tết, không để chậm trễ.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các địa phương tập trung theo dõi chỉ đạo tốt sản xuất vụ Đông Xuân năm 2014 - 2015. Thực hiện tốt công tác kiểm dịch thú y, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm các hành vi vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh, giết mổ trái phép trên địa bàn.

d) Sở Y tế phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân phòng bệnh, giữ gìn vệ sinh ăn uống, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm; xây dựng phương án kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nhất là tại các bếp ăn tập thể, các đơn vị cung ứng bếp ăn công nghiệp; phòng, chống dịch bệnh, tiếp tục các biện pháp ngăn chặn dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng xảy ra trên địa bàn, chỉ đạo các bệnh viện, trung tâm y tế bố trí đội ngũ y, bác sĩ trực cấp cứu liên tục, bảo đảm thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện, xử lý nghiêm các vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm; chỉ đạo các bệnh viện, trung tâm y tế, đảm bảo việc cấp cứu tại các bệnh viện.

e) Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường tuyên truyền, vận động bà con tiểu thương kinh doanh thực hiện văn minh thương mại; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc niêm yết giá, bán theo giá niêm yết, bán hàng bảo đảm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không mua bán hàng gian, hàng giả; phòng chống cháy nổ ở các khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, các cơ sở sản xuất kinh doanh, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; báo cáo kịp thời các biến động giá và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp ổn định thị trường. Kiên quyết xử lý nghiêm các đối tượng tung tin đồn thất thiệt, gây hoang mang trong xã hội. Phối hợp chặt chẽ với

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước về bình ổn thị trường; các quy định pháp luật về thương mại cho nhân dân hiểu để thực hiện; tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

g) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố theo dõi sát và báo cáo kịp thời diễn biến thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn; chuẩn bị đủ lượng tiền mặt (về số lượng và cơ cấu mệnh giá) để đáp ứng nhu cầu chi trả trong dịp Lễ - Tết cuối năm; chú trọng chỉ đạo hệ thống Ngân hàng thương mại xây dựng kế hoạch triển khai và dự phòng các vấn đề về tiếp quỹ ATM, về sự cố kỹ thuật để đảm bảo hệ thống ATM hoạt động thông suốt, liên tục, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu rút tiền của nhân dân, đặc biệt cho lực lượng công nhân, người lao động làm việc tại các khu chế xuất, khu công nghiệp.

h) Các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố chủ động chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất, dự trữ, kinh doanh hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cho thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện chính sách bán hàng khuyến mại, giảm giá bán và áp dụng các dịch vụ trước và sau Tết nhằm phục vụ tốt người tiêu dùng; tăng cường bán hàng lưu động phục vụ nhân dân các quận vùng ven, huyện ngoại thành, công nhân tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, sinh viên ở các ký túc xá, các khu dân cư thu nhập thấp.

i) Chi cục Quản lý thị trường chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn trước, trong và sau Tết Ất Mùi năm 2015; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật như đầu cơ, găm hàng, buôn bán hàng cấm, giàn gian, hàng nhập lậu, hàng không hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không nhãn hiệu; sản xuất và kinh doanh hàng giả, không đảm bảo an toàn thực phẩm, hàng kém chất lượng, hàng quá hạn sử dụng; giữ xe quá giá quy định; xử lý nghiêm các trường hợp lưu thông, buôn bán các mặt hàng cấm như pháo các loại, đồ chơi nguy hiểm. Phối hợp các sở - ngành liên quan kiểm tra chặt chẽ hoạt động kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn; xử lý triệt để và nghiêm khắc các trường hợp vận chuyển, buôn bán gia cầm giết mổ trái phép, gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh tại các cửa ngõ vào Thành phố

3. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; phòng, chống cháy, nổ và đảm bảo mỹ quan đô thị.

a) Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy phối hợp các sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức tuyên truyền vận động

cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định cấm buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và đốt pháo; tập trung xử lý tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để buôn bán, đậu xe, làm bãi giữ xe trái phép; bố trí lực lượng giải quyết nhanh ùn tắc giao thông trên tất cả các tuyến đường; chỉ đạo kiểm tra công tác phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường thực hiện có hiệu quả Đề án quản lý, giải độc, cai nghiện các đối tượng ma túy; tề nạn mại dâm trên địa bàn; đảm bảo an ninh trật tự trong những ngày Tết.

b) Công an Thành phố phối hợp các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; bố trí lực lượng tuần tra bảo vệ an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng và các địa điểm tổ chức lễ hội; ngăn chặn và xử lý nghiêm nạn đua xe trái phép, cờ bạc, mại dâm, ma túy, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Chỉ đạo Công an các quận - huyện, phường - xã, thị trấn làm tốt công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng; tăng cường lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng tuần tra, canh gác để nhân dân yên tâm vui chơi đón Tết.

c) Bộ Tư lệnh Thành phố phối hợp Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy, Bộ đội Biên phòng Thành phố giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, sử dụng lực lượng tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ các mục tiêu quan trọng, kiểm tra công tác quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ trong cơ quan, doanh nghiệp; tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn; chỉ đạo tổ chức bắn pháo hoa phục vụ nhân dân Thành phố; đảm bảo an toàn tuyệt đối.

d) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan điều hành tốt dịch vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách tại các bến tàu, bến xe, không để ứ đọng, ách tắc, không để xảy ra tình trạng tăng giá không đúng quy định trong những ngày cao điểm; đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu xe, tàu cho nhân dân về quê vui Tết, xây dựng kế hoạch tăng chuyến, đảm bảo xe buýt phục vụ nhân dân đi lại bình thường, an toàn trước, trong và sau Tết. Phối hợp Tổng Công ty Hàng không miền Nam, Công ty vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn tăng cường các chuyến bay, tàu hỏa, không để tình trạng quá tải, ùn tắc, đặc biệt là từ Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh, thành trước Tết và từ các tỉnh, thành vào Thành phố Hồ Chí Minh sau Tết. Phối hợp Công an Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức phân luồng giao thông và điều tiết giao thông hợp lý tại các giao lộ, nhất là tại các khu vực trung tâm và các điểm thường xuyên gây ùn tắc giao thông.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm; tập trung khắc phục nhanh các tuyến đường hư hỏng; việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hoàn thiện các công trình cầu đường, thoát nước phải tạm ngưng, tái lập mặt đường và giải tỏa hàng rào che chắn, đảm bảo an toàn **trước ngày 15 tháng 02 năm 2015 (27 tháng 12 âm lịch).**

e) Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Công ty Môi trường đô thị Thành phố và các Công ty Dịch vụ công ích quận - huyện tổ chức tốt công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị; thu gom rác, phế thải tại các khu dân cư, đường phố, điểm công cộng; vận chuyển hết rác trong ngày, lấp đặt thêm thùng rác, nhà vệ sinh công cộng ở các điểm tập trung đông người và các điểm tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật; riêng tại các chợ, điểm bán hoa kiểng, các tuyến đường cửa ngõ Thành phố phải kiểm tra, thu dọn **trước 22 giờ 00 ngày 18 tháng 02 năm 2015 (30 Tết âm lịch).**

g) Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan, thu lợi bất chính; quản lý tốt các khu vui chơi, nơi tổ chức các lễ hội, hàng quán, bãi đỗ xe, không để xảy ra tình trạng tăng giá đột biến; giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh trật tự cho du khách tại các điểm du lịch và khu vực lễ hội. Phối hợp Bộ Tư lệnh Thành phố tổ chức bắn pháo hoa phục vụ nhân dân Thành phố trong đêm giao thừa Tết Ất Mùi.

h) Cục Hải quan Thành phố, Biên phòng Thành phố phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty Hàng không miền Nam, Công an Thành phố tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông thoáng khi làm thủ tục hải quan đối với hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, giải phóng hàng hóa xuất - nhập khẩu kịp thời, nhanh chóng tại các cửa khẩu và tập trung công tác, phòng chống buôn lậu, gian lận qua cửa khẩu hàng không, cảng biển,...

i) Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, hộ dân tổ chức tổng vệ sinh, dọn dẹp đường phố, cơ quan, nhà cửa sạch đẹp. Ủy ban nhân dân Quận 9, 12, Thủ Đức, huyện Bình Chánh, Bình Tân, Hóc Môn, Củ Chi tăng cường chỉ đạo tổng vệ sinh các cửa ngõ vào Thành phố, đảm bảo mỹ quan đô thị.

4. Tổ chức tổng kết năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 hiệu quả, tiết kiệm, không phô trương, hình thức; không tổ chức các đoàn đến chúc Tết, tặng hoa, quà cho lãnh đạo các cấp.

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố phát động thi đua hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ các tháng còn lại của năm 2014; tổ chức tổng kết năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 thật tiết kiệm. Không tổ chức liên hoan, phô trương hình thức, lãng phí. Không tổ chức các đoàn đến chúc Tết, tặng hoa, quà cho lãnh đạo các cấp. Không được sử dụng xe công để phục vụ các hoạt động cá nhân. Có trách nhiệm kiểm tra xử lý tập thể, cá nhân vi phạm và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố khi để xảy ra vi phạm ở đơn vị trực thuộc.

b) Ngay khi hết thời gian nghỉ Tết theo quy định, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị phải đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh, công việc, học tập,... bình thường. Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân, các báo của Thành phố tập trung thông tin tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, người lao động những ngày sau Tết, phê phán những cơ quan, đơn vị vi phạm quy định.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết. Đồng thời, phân công cán bộ lãnh đạo trực trong các ngày nghỉ Tết và thường xuyên thông tin báo cáo kịp thời mọi diễn biến trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể:

- Các đơn vị xây dựng Kế hoạch tổ chức, chăm lo Tết Ất Mùi năm 2015, (kèm số điện thoại liên lạc người phụ trách, báo cáo Tết) gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 10 tháng 12 năm 2014**.

- Thông tin và báo cáo sơ bộ công tác chuẩn bị, tổ chức các hoạt động Tết **trước ngày 31 tháng 01 năm 2015 (12 tháng 12 âm lịch)**.

- Báo cáo tóm tắt tình hình Tết có nhận định, đánh giá gửi **trước 12 giờ 00 ngày 10 tháng 02 năm 2015 (22 tháng 12 âm lịch)**.

- Báo cáo tổng kết công tác tổ chức, chăm lo Tết của địa phương, đơn vị, có nhận định, đánh giá kết quả thực hiện gửi **trước 12 giờ 00 ngày 21 tháng 02 năm 2015** (mùng 3 Tết) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Thường vụ Thành ủy.

Việc gửi báo cáo đúng tiến độ, đảm bảo nội dung của các cơ quan, đơn vị là cơ sở quan trọng để đánh giá thi đua công tác tổ chức, chăm lo Tết Ất Mùi và cả năm 2015. Ngoài bản giấy (hoặc fax: 08 3824 6690) gửi về Phòng Tổng hợp - Kế hoạch, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, đề nghị các đơn vị gửi thông tin, báo cáo qua thư điện tử: vtan.iibnd@tphcm.gov.vn và vttkieu.ubnd@tphcm.gov.vn.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các đoàn thể Thành phố tăng cường phối hợp để tổ chức đón chào năm mới và phục vụ Tết Ất Mùi năm 2015 thật chu đáo, tiết kiệm, an toàn.

Chỉ thị này được phổ biến đến các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp trực thuộc để triển khai thực hiện đạt kết quả, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân Thành phố đón năm mới 2015 và Tết cổ truyền Ất Mùi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5825/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 165/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1299/TTr-SKH-CN ngày 01 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố, Thủ trưởng các Sở ngành, Đoàn thể có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức các giải thưởng trong Phong trào

Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5825/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hình thức tổ chức các giải thưởng trong Phong trào Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2014 - 2020 trên cơ sở hưởng ứng các phong trào tương ứng của quốc gia, bao gồm: Giải thưởng Sáng chế Thành phố, Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố, Cuộc thi Sáng tạo dành cho Thanh thiếu niên, nhi đồng Thành phố và các hoạt động khác liên quan đến phong trào sáng tạo kỹ thuật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cá nhân, tập thể, tổ chức có các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp phát triển công nghệ, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ, bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích được tạo ra hoặc ứng dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mục tiêu của Giải thưởng

1. Khuyến khích rộng rãi các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phát triển công nghệ, nghiên cứu khoa học tập trung vào các vấn đề khoa học công nghệ trọng điểm của Thành phố; tăng số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế của các chủ thể trên địa bàn thành phố.

2. Tập hợp và hỗ trợ các đề tài, giải pháp, sản phẩm sáng tạo khoa học kỹ thuật của Thành phố tham gia hưởng ứng các Giải thưởng, Hội thi, Cuộc thi liên quan cấp quốc gia và quốc tế.

Chương II

HÌNH THỨC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI GIẢI THƯỞNG

Điều 4. Ban Tổ chức các Giải thưởng trong Phong trào Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố

Ban Tổ chức các Giải thưởng trong Phong trào Sáng tạo Kỹ thuật thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập.

1. Trưởng Ban: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố;
2. Phó Trưởng Ban phụ trách Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật: Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật thành phố;
3. Phó Trưởng Ban phụ trách Giải thưởng Sáng chế: Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;
4. Các Ủy viên là lãnh đạo của Thành Đoàn, Liên Đoàn Lao động Thành phố, Ban Thi Đua Khen thưởng Thành phố và các sở ngành, hiệp hội liên quan.

Điều 5. Giải thưởng Sáng chế Thành phố

Giải thưởng do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì và được tổ chức theo chu kỳ hai năm một lần. Các sáng chế dự giải được đánh giá theo ba điều kiện bảo hộ độc quyền của Luật Sở hữu trí tuệ (có khả năng áp dụng công nghiệp, có tính mới, có trình độ sáng tạo) và theo tiềm năng thương mại của sáng chế.

Các sáng chế đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng Khen của Ủy Ban nhân dân Thành phố. Mọi sáng chế dự giải sẽ được Thành phố hỗ trợ tiếp tục gửi tham dự Cuộc thi Sáng chế do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì.

Điều 6. Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố

Hội thi do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố chủ trì, được tổ chức theo chu kỳ hai năm một lần và luân phiên xen kẽ với Giải thưởng Sáng chế Thành phố. Các đề tài, giải pháp dự thi được đánh giá theo ba tiêu chí: có tính mới và tính sáng tạo so với trình độ kỹ thuật ở Việt Nam, có khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện Việt Nam, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết.

Các giải pháp đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng Khen của Ủy ban nhân dân Thành phố. Mọi đề tài, giải pháp dự thi hợp lệ sẽ được Thành phố hỗ trợ tiếp tục gửi tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Toàn quốc hoặc Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Giải thưởng VIFOTEC).

Điều 7. Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu Nhi thành phố

Cuộc thi do Thành Đoàn Thanh Niên Cộng sản chủ trì và được tổ chức định kỳ hàng năm. Các mô hình và sản phẩm kỹ thuật dự thi được đánh giá theo ba tiêu chí: có tính mới, tính sáng tạo và có khả năng áp dụng.

Các mô hình, sản phẩm đoạt Giải Nhất sẽ được tặng Bằng Khen của Ủy ban nhân dân thành phố. Mọi mô hình, sản phẩm dự thi hợp lệ sẽ được Thành phố hỗ trợ tiếp tục gửi ra tham dự Cuộc thi Sáng tạo dành cho Thanh thiếu niên, Nhi đồng Toàn quốc.

Điều 8. Ban Thư ký của Giải thưởng, Hội thi và Cuộc thi

Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố và Thành Đoàn ra quyết định thành lập Ban Thư ký Giải thưởng, Ban Thư ký Hội thi và Ban Thư ký cuộc thi phục vụ nhu cầu tác nghiệp của Giải thưởng, Hội thi và cuộc thi tương ứng.

Các Ban Thư ký chịu trách nhiệm thực hiện các chủ trương, quyết định của Ban Tổ chức, quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội thi theo quy chế văn thư lưu trữ.

Điều 9. Chế độ hoạt động

Thành viên của Ban Tổ chức và các Ban Thư ký hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc thay đổi hoặc bổ sung nhân sự cụ thể sẽ do tổ chức cử thành viên tương ứng quyết định và thông báo với Sở Khoa học Công nghệ để điều chỉnh chung và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

**Chương III
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG****Điều 10. Chu trình triển khai Giải thưởng, Hội thi và Cuộc thi**

1. Theo chu kỳ hai năm một lần, tham chiếu Thể lệ thi và trao giải về Sáng chế do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thể lệ Giải thưởng Sáng chế tương ứng của Thành phố, tổ chức vận động hưởng ứng, tiến hành tổng kết và trao giải bắt đầu từ năm 2014.

2. Theo chu kỳ hai năm một lần và luân phiên xen kẽ với Giải thưởng Sáng chế Thành phố, tham chiếu Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Toàn quốc và các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm của Thành phố, Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố ban hành Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tương ứng của Thành phố, tổ chức vận động hưởng ứng, tiến hành tổng kết và trao giải bắt đầu từ năm 2015.

3. Hàng năm, căn cứ vào Thể lệ Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu Nhi Toàn quốc và Chương trình hành động của mình, Thành Đoàn ban hành Thể lệ Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu Nhi Thành phố, tổ chức vận động tham dự và tiến hành tổng kết chung với Giải thưởng Sáng chế Thành phố hoặc Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố của năm tương ứng.

4. Hàng năm, Thường trực Ban Tổ chức các giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật thành phố tổ chức họp để xem xét các sáng chế, giải pháp, mô hình, sản phẩm đã đạt giải nhất hoặc giải đặc biệt được áp dụng trong thực tế đạt hiệu quả cao, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng theo quy định. Thường trực Ban Tổ chức giải thưởng sẽ có quy định cụ thể về việc khen thưởng cấp Nhà nước cho phù hợp với đặc thù trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Điều 11. Vận động hưởng ứng các phong trào sáng tạo kỹ thuật quốc gia và quốc tế do các cơ quan trung ương phát động

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp và hỗ trợ Liên Đoàn Lao động Thành phố tổ chức tập huấn về pháp luật sáng kiến và triển khai hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến biện pháp quản lý, biện pháp tác nghiệp và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật theo Điều lệ sáng kiến hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam

2. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố và Thành Đoàn căn cứ vào Thể lệ của các Giải thưởng, Hội thi, Cuộc thi, Triển lãm về sáng tạo kỹ thuật của quốc gia hoặc quốc tế do các cơ quan trung ương phát động để tập hợp các sáng chế, đề tài, giải pháp, mô hình, sản phẩm... trên địa bàn Thành phố tham dự; hướng dẫn người dự thi hoàn thiện và gửi hồ sơ hợp lệ đến Giải thưởng, Hội thi, Cuộc thi, Triển lãm có liên quan; theo dõi tổng hợp kết quả và công bố tại Lễ Tổng kết phong trào tương ứng của Thành phố.

Điều 12. Hỗ trợ bảo hộ sáng chế

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tập huấn về pháp luật sở hữu trí tuệ và thủ tục đăng ký sáng chế cho các người dự thi và theo yêu cầu của các đơn vị thành viên Ban Tổ chức Giải thưởng, nhằm hỗ trợ kiến thức tự bảo vệ quyền khi tham gia các Giải thưởng, Hội thi, Cuộc thi, Triển lãm và kiến thức khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại hóa kết quả sáng tạo.

2. Việc hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ sáng chế và các đối tượng sở hữu trí tuệ có liên quan cho các mô hình, sản phẩm, giải pháp đoạt giải Cuộc thi, Hội thi và Giải thưởng Thành phố được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn triển khai các Cuộc thi, Hội thi và Giải thưởng Toàn quốc.

Điều 13. Hỗ trợ sau Tổng kết

Giải pháp kỹ thuật hoặc sáng chế đoạt giải Giải thưởng Sáng chế Thành phố hoặc Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố sẽ được hỗ trợ như sau:

1. Đưa vào danh sách các đề tài, giải pháp được giới thiệu và khuyến nghị áp dụng trong các dự án, chương trình của Thành phố có sử dụng sản phẩm, công nghệ liên quan;

2. Thông qua vòng sơ tuyển trong các Chương trình khoa học công nghệ của Thành phố nếu có nội dung phát triển thành đề tài nghiên cứu chuyên sâu hơn hoặc thành các Dự án triển khai ứng dụng;

3. Hỗ trợ trong việc đàm phán giao kết, đăng ký các hợp đồng li-xăng, hợp đồng chuyển giao công nghệ;

4. Tác giả, đồng tác giả đoạt nhiều giải cao, đoạt giải liên tục, hoặc có đề tài, giải pháp, sáng chế hay sản phẩm được ứng dụng hiệu quả sẽ được Ban Tổ chức Giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố đề cử tham gia Giải thưởng Khoa học Công nghệ Thành phố hoặc các Giải thưởng Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia, dành cho các nhà khoa học, nhà công nghệ xuất sắc.

Điều 14. Truyền thông về Giải thưởng Sáng tạo kỹ thuật Thành phố

Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí trực thuộc các đơn vị thành viên Ban Tổ chức Giải thưởng có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Ban Tổ chức Giải thưởng đưa tin về hoạt động của Giải thưởng, xây dựng các chương trình truyền thông về các thành quả sáng tạo của các tổ chức, cá nhân đoạt giải nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng thực tế.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ tài chính

1. Chế độ tài chính cho công tác tổ chức và khen thưởng của Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu Nhi Thành phố được căn cứ theo các văn bản hướng dẫn triển khai Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên, Nhi đồng Toàn quốc.

2. Chế độ tài chính cho công tác tổ chức và khen thưởng của Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố và Giải thưởng Sáng chế của Thành phố được căn cứ theo các văn bản hướng dẫn triển khai các phong trào tương ứng cấp quốc gia, và theo văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm động viên có hiệu quả hoạt động tôn vinh và khen thưởng các thành quả sáng tạo.

3. Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ lập tổng dự toán, thực hiện quyết toán theo quy định.

Điều 16. Chế độ báo cáo

- Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi và báo cáo tổng hợp hoạt động của Giải thưởng Sáng chế của Thành phố, Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Thành phố và Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu Nhi Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, Quy chế sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh phù hợp với quy định và tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng